

NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG CÓ ĐÁP ÁN

Câu 1. Tâm lí con người theo quan niệm khoa học là:

1. Toàn bộ cuộc sống tinh thần phong phú của con người.
2. Hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan.
3. Có bản chất xã hội và mang tính lịch sử.
4. Toàn bộ thế giới nội tâm của con người.
5. Chức năng của não.

Phương án:

- a: 1, 4, 5.
- b: 2, 3, 4.
- c: 1, 3, 4.
- d: 2, 3, 5.

Đáp án: d: 2, 3, 5

Câu 2. Hiện tượng tâm lí được thể hiện trong những trường hợp:

1. Thần kinh căng thẳng như dây đàn sắp đứt.
2. Tim đập như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.
3. Bồn chồn như có hẹn với ai đó.
4. Lo lắng đến mất ăn mất ngủ.
5. Hồi hộp khi bước vào phòng thi.

Phương án:

- a: 1, 3, 4.

b: 2, 3, 4.

c: 3, 4, 5.

d: 2, 3, 5.

Đáp án: c: 3, 4, 5

Câu 3. Phản ánh tâm lí là:

- a. Sự phản ánh chủ quan của con người về hiện tượng khách quan.
- b. Quá trình tác động qua lại giữa con người và thế giới khách quan.
- c. Sự chuyển hoá thế giới khách quan vào bộ não con người.
- d. Sự phản ánh của con người trước kích thích của thế giới khách quan.

Đáp án: a.

Câu 4. Phản ánh tâm lí là dạng phản ánh đặc biệt vì:

- 1. Hình ảnh tâm lí là dấu vết của thế giới khách quan.
- 2. Hình ảnh tâm lí là bản sao chép về thế giới khách quan.
- 3. Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể.
- 4. Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động, sáng tạo.
- 5. Hình ảnh tâm lí là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người.

Phương án:

a: 2, 3, 5.

b: 2, 3, 4.

c: 3, 4, 5.

d: 1, 3, 4

Đáp án: c: 3, 4, 5

Câu 5. Điều kiện cần và đủ để có hiện tượng tâm lí người là:

1. Có thể giới khách quan và não.
2. Thế giới khách quan tác động vào não.
3. Não hoạt động bình thường.
4. Có tác động của giáo dục
5. Môi trường sống thích hợp.

Phương án:

- a: 2, 3, 5.
b: 1, 3, 4.
c: 1, 4, 5.
d: 1, 2, 3.

Đáp án: a: 2, 3, 5

Câu 6. Hiện tượng nào dưới đây là một quá trình tâm lý?

- a. Hồi hộp trước khi vào phòng thi.
- b. Chăm chú ghi chép bài.
- c. Suy nghĩ khi giải bài tập.
- d. Cẩn thận trong công việc.

Đáp án: c

Câu 7. Hiện tượng nào dưới đây là một trạng thái tâm lý?

- a. Bồn chồn như có hẹn với ai.
- b. Say mê với hội họa.
- c. Siêng năng trong học tập.
- d. Yêu thích thể thao.

Đáp án: a

Câu 8. Hiện tượng nào dưới đây là một thuộc tính tâm lý?

- a. Hồi hộp trước giờ báo kết quả thi.
- b. Suy nghĩ khi làm bài.
- c. Chăm chú ghi chép.
- d. Chăm chỉ học tập.

Đáp án: d

Câu 9. Tình huống nào dưới đây là một quá trình tâm lí?

- a. Lan luôn cảm thấy hài lòng nếu bạn em trình bày đúng các kiến thức trong bài
- b. Bình luôn thẳng thắn và công khai lên án các bạn có thái độ không trung thực trong thi cử.
- c. Khi đọc cuốn “Sống như Anh”, Hoa nhớ lại hình ảnh chiếc cầu Công lí mà em đã có dịp đi qua.
- d. An luôn cảm thấy căng thẳng mỗi khi bước vào phòng thi.

Đáp án: c

Câu 10. Thuộc tính tâm lí là những hiện tượng tâm lí:

- 1. Không thay đổi.
- 2. Tương đối ổn định và bền vững
- 3. Khó hình thành, khó mất đi.
- 4. Đặc trưng cho mỗi cá thể và có tính độc đáo.
- 5. Thay đổi theo thời gian.

Phương án:

a: 1, 3, 4.

b: 2, 3, 4.

c: 3, 4, 5.

d: 2, 4, 5.

Đáp án: b: 2, 3, 4

Câu 11. Câu thơ “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” nói lên tính chất nào sau đây của sự phản ánh tâm lý?

a. Tính khách quan.

b. Tính chủ thể.

c. Tính sinh động.

d. Tính sáng tạo.

Đáp án: b

Câu 12. Để đạt kết quả cao trong học tập, Hà đã tích cực tìm tòi, học hỏi và đổi mới các phương pháp học tập cho phù hợp với từng môn học. Chức năng của tâm lí thể hiện trong trường hợp này là:

1. Điều chỉnh hoạt động của cá nhân.

2. Định hướng hoạt động.

3. Điều khiển hoạt động.

4. Thúc đẩy hoạt động.

5. Kiểm soát hoạt động.

Phương án:

a: 1, 2, 4.

b: 1, 2, 3.

c: 2, 4, 5.

d: 1, 3, 5

Đáp án: b: 1, 2, 3

Câu 13. Sự kiện nào dưới đây chứng tỏ tâm lý ảnh hưởng đến sinh lý ?

- a. Hồi hộp khi đi thi.
- b. Lo lắng đến mất ngủ.
- c. Lạnh làm run người
- d. Buồn rầu vì bệnh tật.

Đáp án: b

Câu 14. Sự kiện nào dưới đây chứng tỏ sinh lý ảnh hưởng đến tâm lý?

- a. Mắc cỡ làm đỏ mặt.
- b. Lo lắng đến phát bệnh.
- c. Tuyến nội tiết làm thay đổi tâm trạng.
- d. Buồn rầu làm ngưng trệ tiêu hoá.

Đáp án: c

Câu 15. Quan điểm duy vật biện chứng về mối tương quan của tâm lý và những thể hiện của nó trong hoạt động được thể hiện trong mệnh đề:

- a. Hiện tượng tâm lý có những thể hiện đa dạng bên ngoài.
- b. Hiện tượng tâm lý có thể diễn ra mà không có một biểu hiện bên trong hoặc bên ngoài nào.
- c. Mỗi sự thể hiện xác định bên ngoài đều tương ứng chặt chẽ với một hiện tượng tâm lý
- d. Hiện tượng tâm lý diễn ra không có sự biểu hiện bên ngoài.

Đáp án: a

Câu 16. Khi nghiên cứu tâm lý phải nghiên cứu môi trường xã hội, nền văn hóa xã hội, các quan hệ xã hội mà con người sống và hoạt động trong đó. Kết luận này được rút ra từ luận điểm:

- a. Tâm lý có nguồn gốc từ thế giới khách quan.
- b. Tâm lý người có nguồn gốc xã hội.
- c. Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp
- d. Tâm lý người mang tính chủ thể.

Đáp án: b

Câu 17. Nguyên tắc “cá biệt hóa” quá trình giáo dục là một ứng dụng được rút ra từ luận điểm:

- a. Tâm lý người có nguồn gốc xã hội.
- b. Tâm lý có nguồn gốc từ thế giới khách quan.
- c. Tâm lý người mang tính chủ thể.
- d. Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp.

Đáp án: c

Câu 18. Tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử thể hiện ở chỗ:

- a. Tâm lí người có nguồn gốc là thế giới khách quan, trong đó nguồn gốc xã hội là yếu tố quyết định.
- b. Tâm lí người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp của cá nhân trong xã hội.
- c. Tâm lí người chịu sự chế ước của lịch sử cá nhân và của cộng đồng.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: b

Câu 19. Tâm lí người là:

- a. Do một lực lượng siêu nhiên nào đó sinh ra.
- b. Do não sản sinh ra, tương tự như gan tiết ra mật.
- c. Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người, thông qua lăng kính chủ quan.

d. Cả a, b, c.

Đáp án: c

Câu 20. Tâm lí người có nguồn gốc từ:

- a. Não người.
- b. Hoạt động của cá nhân.
- c. Thế giới khách quan.
- d. Giao tiếp của cá nhân.

Đáp án: c

Câu 21. Phản ánh tâm lí là:

- a. Sự phản ánh có tính chất chủ quan của con người về các sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan.
- b. Phản ánh tất yếu, hợp quy luật của con người trước những tác động, kích thích của thế giới khách quan.
- c. Quá trình tác động giữa con người với thế giới khách quan.
- d. Sự chuyển hoá trực tiếp thế giới khách quan vào đầu óc con người để tạo thành các hiện tượng tâm lí.

Đáp án: a

Câu 22. Phản ánh là:

- a. Sự tác động qua lại giữa hệ thống vật chất này với hệ thống vật chất khác và để lại dấu vết ở cả hai hệ thống đó.
- b. Sự tác động qua lại của hệ thống vật chất này lên hệ thống vật chất khác.
- c. Sự sao chụp hệ thống vật chất này lên hệ thống vật chất khác.
- d. Dấu vết của hệ thống vật chất này để lại trên hệ thống vật chất khác.

Đáp án: a

Câu 23. Phản ánh tâm lí là một loại phản ánh đặc biệt vì:

- a. Là sự tác động của thế giới khách quan vào não người.
- b. Tạo ra hình ảnh tâm lí mang tính sống động và sáng tạo.
- c. Tạo ra một hình ảnh mang đậm màu sắc cá nhân.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: d

Câu 24: Cùng nhận sự tác động của một sự vật trong thế giới khách quan, nhưng ở các chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh tâm lí với mức độ và sắc thái khác nhau. Điều này chứng tỏ:

- a. Phản ánh tâm lí mang tính chủ thể.
- b. Thế giới khách quan và sự tác động của nó chỉ là cái cơ để con người tự tạo cho mình một hình ảnh tâm lí bất kì nào đó.
- c. Hình ảnh tâm lí không phải là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan.
- d. Thế giới khách quan không quyết định nội dung hình ảnh tâm lí của con người.

Đáp án: a

Câu 25. Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể được cắt nghĩa bởi:

- a. Sự khác nhau về môi trường sống của cá nhân.
- b. Sự phong phú của các mối quan hệ xã hội.
- c. Những đặc điểm riêng về hệ thần kinh, hoàn cảnh sống và tính tích cực hoạt động của cá nhân.
- d. Tính tích cực hoạt động của cá nhân khác nhau.

Đáp án: c

Câu 26. Tâm lí người khác xa so với tâm lí động vật ở chỗ:

- a. Có tính chủ thể.

- b. Có bản chất xã hội và mang tính lịch sử.
- c. Là kết quả của quá trình phản ánh hiện thực khách quan.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: b

Câu 27. Điều kiện cần và đủ để có hiện tượng tâm lí người là:

- a. Có thể giới khách quan và não.
- b. Thế giới khách quan tác động vào não.
- c. Não hoạt động bình thường.
- d. Thế giới khách quan tác động vào não và não hoạt động bình thường.

Đáp án: d

Câu 28. Những đũa trẻ do động vật nuôi từ nhỏ không có được tâm lí người vì:

- a. Môi trường sống quy định bản chất tâm lí người.
- b. Các dạng hoạt động và giao tiếp quy định trực tiếp sự hình thành tâm lí người.
- c. Các mối quan hệ xã hội quy định bản chất tâm lí người.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: b

Câu 29. Nhân tố tâm lí giữ vai trò cơ bản, có tính quy định trong hoạt động của con người, vì:

- a. Tâm lí có chức năng định hướng cho hoạt động con người.
- b. Tâm lí điều khiển, kiểm tra và điều chỉnh hoạt động của con người.
- c. Tâm lí là động lực thúc đẩy con người hoạt động.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: d

Câu 30. “Mỗi khi đến giờ kiểm tra, Lan đều cảm thấy hồi hộp đến khó tả”. Hiện tượng trên là biểu hiện của:

- a. Quá trình tâm lí.
- b. Trạng thái tâm lí.
- c. Thuộc tính tâm lí.
- d. Hiện tượng vô thức.

Đáp án: a

Câu 31. "Cùng trong một tiếng tơ đồng

Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm".

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Hiện tượng trên chứng tỏ:

- a. Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động, sáng tạo.
- b. Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể.
- c. Tâm lí người hoàn toàn có tính chủ quan.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: b

Câu 32. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào không thể hiện tính chủ thể của sự phản ánh tâm lí người?

- a. Cùng nhận sự tác động của một sự vật, nhưng ở các chủ thể khác nhau, xuất hiện các hình ảnh tâm lí với những mức độ và sắc thái khác nhau.
- b. Những sự vật khác nhau tác động đến các chủ thể khác nhau sẽ tạo ra hình ảnh tâm lí khác nhau ở các chủ thể.
- c. Cùng một chủ thể tiếp nhận tác động của một vật, nhưng trong các thời điểm, hoàn cảnh, trạng thái sức khỏe và tinh thần khác nhau, thường xuất hiện các hình ảnh tâm lí khác nhau.

d. Các chủ thể khác nhau sẽ có thái độ, hành vi ứng xử khác nhau đối với cùng một sự vật.

Đáp án: b

Câu 33. Hãy ghép những luận điểm của tâm lí học hoạt động về bản chất tâm lí người (cột A) với kết luận thực tiễn rút ra từ các luận điểm đó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tâm lí người có nguồn gốc là thế giới khách quan.	a. Phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu, phát triển và cải tạo tâm lí con người.
2. Tâm lí người mang tính chủ thể.	b. Phải nghiên cứu môi trường xã hội, nền văn hoá xã hội trong đó con người sống và hoạt động.
3. Tâm lí người có bản chất xã hội.	c. Phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động.
4. Tâm lí người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp.	d. Phải nghiên cứu các hiện tượng tâm lí người. e. Trong các quan hệ ứng xử phải lưu tâm đến nguyên tắc sát đối tượng.

Phương án đúng: 1 -; 2 -; 3 -; 4 -

Đáp án: 1 - c, 2 - e, 3 - b, 4 - a

Câu 34. Hãy ghép tên gọi các hiện tượng tâm lí (cột A) đúng với sự kiện mô tả của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Trạng thái tâm lí.	a. Hà là một cô gái nhỏ nhắn, xinh đẹp.
2. Quá trình tâm lí.	b. Cô là người đa cảm và hay suy nghĩ.
3. Thuộc tính tâm lí.	c. Đã hàng tháng nay cô luôn hồi hộp mong chờ kết quả thi tốt nghiệp. d. Cô hình dung cảnh mình được bước vào cổng trường đại

học trong tương lai.

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - c, 2 - d, 3 - b

Câu 35. Đối tượng của Tâm lí học là các... (1)..... tâm lí với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thể giới.... (2) tác động vào...(3)... con người.

- a. Quá trình
- b. Trạng thái
- c. Hiện tượng
- d. Tâm trí
- e. Não
- f. Khách quan

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3-.....

Đáp án: 1 - c, 2 - f, 3 - e

Câu 36. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: Tâm lí người là sự....(1).... hiện thực khách quan vào não người thông qua...(2)...., tâm lí người có...(3)... xã hội – lịch sử.

- a. Cá nhân
- b. Chủ thể
- c. Đặc điểm
- d. Tác động
- e. Phản ánh
- f. Bản chất

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - e, 2 - b, 3 - f

Câu 37. Phản ánh tâm lí là một loại phản ánh...(1)... Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào con người, tạo ra “hình ảnh tâm lí” mang tính...(2)..., sáng tạo và mang tính...(3)...

- a. Cá nhân
- b. Đặc biệt
- c. Sinh động
- d. Lịch sử
- e. Chủ thể
- f. Chết cứng

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - b, 2 - c, 3 - e

Câu 38. Tâm lí có...(1)... là thế giới khách quan, vì thế khi nghiên cứu, hình thành và...(2)... tâm lí người, phải nghiên cứu...(3)... trong đó con người sống và hoạt động

- a. Biến đổi
- b. Môi trường
- c. Nguồn gốc
- d. Bản chất
- e. Cải tạo
- f. Hoàn cảnh

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 - ...

Đáp án: 1 - c, 2 - e, 3 - f

Câu 39. Tâm lí người mang tính....(1)..... Vì thế trong dạy học, giáo dục cũng như trong(2)..... phải chú ý đến nguyên tắc ...(3).....

- a. Sát đối tượng

- b. Giao lưu
- c. Hoạt động
- d. Chủ thể
- e. Ứng xử
- f. Cá nhân

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - d, 2 - e, 3 - a

Câu 40. Tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan, là...(1)... của não, là... (2)... xã hội lịch sử biến thành...(3)... của mỗi người. Do đó tâm lí người có bản chất xã hội và mang tính lịch sử.

- a. Cái riêng
- b. Hoạt động
- c. Cơ chế
- d. Phản ánh
- e. Chức năng
- f. Kinh nghiệm

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - e, 2 - f, 3 - a

Câu 41. Tâm lí của con người là...(1)... của con người với tư cách là...(2)... xã hội. Vì thế tâm lí con người mang đầy đủ dấu ấn...(3)... của con người.

- a. Chủ thể
- b. Độc đáo
- c. Xã hội lịch sử
- d. Nét riêng

e. Xã hội

f. Kinh nghiệm

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - d, 2 - a, 3 - c

Câu 42. Tâm lí của mỗi cá nhân là...(1)... của quá trình lĩnh hội kinh nghiệm xã hội, nền văn hoá xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp, trong đó...(2)... giữ vai trò chủ đạo, hoạt động và giao tiếp của con người trong xã hội có tính...(3) ...

a. Quyết định

b. Sản phẩm

c. Giáo dục

d. Học tập

e. Lao động

f. Kết quả

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - b, 2 - c, 3 - a

Câu 43. Hiện thực khách quan... (1)... tâm lí con người, nhưng chính tâm lí con người lại...(2)... trở lại hiện thực, bằng tính năng động, sáng tạo của nó thông qua ...(3)... của chủ thể.

a. Quy định

b. Hoạt động

c. Tác động

d. Giao tiếp

e. Điều hành

f. Định hướng

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - a, 2 - c, 3 - b

Câu 44. Nhờ có chức năng định hướng, điều khiển, điều chỉnh mà tâm lí giúp con người không chỉ...(1)... với hoàn cảnh khách quan mà còn nhận thức, cải tạo và...(2)... ra thế giới. Do đó, có thể nói nhân tố tâm lí có vai trò cơ bản, có tính...(3)... trong hoạt động của con người.

- a. Cá nhân
- b. Sáng tạo
- c. Thích ứng
- d. Quyết định
- e. Thích nghi
- f. Chủ đạo

Phương án đúng: 1-; 2 -; 3 -

Đáp án: 1 - c, 2 - b, 3 - d

Câu 45. Quan điểm đúng đắn nhất về mối quan hệ giữa não và tâm lý là:

- a. Quá trình tâm lý và sinh lý diễn ra song song trong não không phụ thuộc vào nhau.
- b. Tư tưởng do não tiết ra giống như gan tiết ra mật.
- c. Tâm lý là một hiện tượng tinh thần không liên quan gì đến não.
- d. Tâm lý là chức năng của não.

Đáp án: d

Câu 46. Những hiện tượng tâm lí nào dưới đây có cơ sở sinh lí là hệ thống tín hiệu thứ hai?

- 1. Tư duy cụ thể.
- 2. Tình cảm.

3. Nhận thức cảm tính.
4. Tư duy trừu tượng.
5. Ý thức.

Phương án:

- a: 1, 2, 3.
b: 2, 4, 5.
c: 3, 4, 5.
d: 1, 2, 5.

Đáp án: b

Câu 47. Khái niệm giao tiếp trong tâm lý học được định nghĩa là:

- a. Sự gặp gỡ và trao đổi về tình cảm, ý nghĩ,... nhờ vậy mà mọi người hiểu biết và thông cảm lẫn nhau.
- b. Sự trao đổi giữa thầy và trò về nội dung bài học, giúp học sinh tiếp thu được tri thức
- c. Sự giao lưu văn hóa giữa các đơn vị để học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và thắt chặt tình đoàn kết.
- d. Sự tiếp xúc tâm lý giữa người – người để trao đổi thông tin, cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau.

Đáp án: d

Câu 48. Hãy cho biết những trường hợp nào trong số trường hợp sau là giao tiếp?

1. Hai con khỉ đang bắt chấy cho nhau.
2. Hai em học sinh đang truy bài.
3. Một em bé đang đùa giỡn với con mèo.
4. Thầy giáo đang sinh hoạt lớp chủ nhiệm.
5. Hai em học sinh đang trao đổi e-mail.

Phương án: a: 1, 3, 4. b: 2, 4, 5. c: 3, 4, 5. d: 1, 2, 4.

Đáp án: b

Câu 49. Loại giao tiếp nhằm thực hiện một nhiệm vụ chung theo chức trách và quy tắc thể chế được gọi là:

- a. Giao tiếp trực tiếp.
- b. Giao tiếp chính thức.
- c. Giao tiếp không chính thức.
- d. Giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Đáp án: b

Câu 50. Những yếu tố nào dưới đây tạo nên tính gián tiếp của hoạt động?

- 1. Công cụ tâm lí.
- 2. Công cụ lao động.
- 3. Nguyên vật liệu.
- 4. Phương tiện ngôn ngữ.
- 5. Sản phẩm lao động.

Phương án:

- a: 1, 2, 4.
- b: 1, 3, 4.
- c: 1, 2, 5.
- d: 1, 3, 5.

Đáp án: a

Câu 51. Nghiên cứu những người có tuổi và sống lâu cho thấy, sự giảm bớt dần các trách nhiệm và các hoạt động liên quan đến các trách nhiệm đó đã thu hẹp và làm rối loạn nhân cách. Ngược lại, mối liên hệ thường xuyên với cuộc sống xung quanh lại duy trì nhân cách

cho đến lúc chết. Những người về hưu, không tham gia hoạt động nghề nghiệp, hoạt động xã hội sẽ dẫn đến sự biến đổi sâu sắc trong cấu trúc nhân cách của họ – nhân cách bắt đầu bị phá hủy. Điều này dẫn đến các bệnh tim mạch. Mối liên hệ nào dưới đây thể hiện trong trường hợp trên?

- a. Tâm lí là sản phẩm của hoạt động.
- b. Tâm lí là sản phẩm của giao tiếp.
- c. Tâm lí là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp.
- d. Hoạt động là điều kiện để thực hiện mối quan hệ giao tiếp.

Đáp án: c

Câu 52. Dưới góc độ tâm lí học, hoạt động của con người giữ vai trò:

- 1. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần.
- 2. Cải tạo thế giới khách quan.
- 3. Làm nảy sinh và phát triển tâm lí.
- 4. Là phương thức tồn tại của con người trong thế giới.
- 5. Thỏa mãn những nhu cầu của con người.

Phương án đúng:

- a: 1, 2, 3.
- b: 1, 3, 4.
- c: 1, 4, 5.
- d: 2, 4, 5.

Đáp án: a

Câu 53. Động cơ của hoạt động là:

- a. Khách thể của hoạt động.
- b. Cấu trúc tâm lí trong chủ thể.

- c. Đối tượng của hoạt động.
- d. Bản thân quá trình hoạt động.

Đáp án: c

Câu 54. Những trường hợp trẻ em do bị thú rừng nuôi mất hẳn bản tính người là do:

- a. Không có môi trường sống thích hợp.
- b. Không được giáo dục.
- c. Không được giao tiếp với con người.
- d. Không tham gia hoạt động.

Đáp án: c

Câu 55. Qua thực tế tại các doanh nghiệp, sinh viên thấy cần phải tích cực học tập và tu dưỡng nhiều hơn ở trường đại học. Chức năng giao tiếp được thể hiện trong trường hợp trên là:

- a. Nhận thức.
- b. Xúc cảm.
- c. Điều khiển hành vi.
- d. Phối hợp hoạt động.

Đáp án: a

Câu 56. Cơ chế chủ yếu của sự phát triển tâm lí con người là:

- a. Di truyền qua gen.
- b. Lĩnh hội nền văn hoá xã hội.
- c. Thích nghi cá thể.
- d. Giao tiếp với những người xung quanh.

Đáp án: b

Câu 57. Để định hướng, điều khiển, điều chỉnh việc hình thành các phẩm chất tâm lí cá nhân, điều quan trọng nhất là:

- a. Tổ chức cho cá nhân tham gia các loại hình hoạt động và giao tiếp trong môi trường tự nhiên và xã hội phù hợp.
- b. Tạo ra môi trường sống lành mạnh, phong phú cho mỗi cá nhân, nhờ vậy cá nhân có điều kiện hình thành và phát triển tâm lí.
- c. Tổ chức hình thành ở cá nhân các phẩm chất tâm lí mong muốn.
- d. Cá nhân độc lập tiếp nhận các tác động của môi trường để hình thành những phẩm chất tâm lí của bản thân.

Đáp án: a

Câu 58. Đối với sự phát triển các hiện tượng tâm lí, cơ chế di truyền đảm bảo:

- a. Khả năng tái tạo lại ở thế hệ sau những đặc điểm của thế hệ trước.
- b. Tiền đề vật chất cho sự phát triển tâm lí con người.
- c. Sự tái tạo lại những đặc điểm tâm lí dưới hình thức “tiềm tàng” trong cấu trúc sinh vật của cơ thể.
- d. Cho cá nhân tồn tại được trong môi trường sống luôn thay đổi.

Đáp án: b

Câu 59. Hiện tượng sinh lí và hiện tượng tâm lí thường:

- a. Diễn ra song song trong não.
- b. Đồng nhất với nhau.
- c. Có quan hệ chặt chẽ với nhau.
- d. Có quan hệ chặt chẽ với nhau, tâm lí có cơ sở vật chất là não bộ.

Đáp án: d

Câu 60. Giao tiếp là:

- a. Sự tiếp xúc tâm lí giữa con người - con người.
- b. Quá trình con người trao đổi về thông tin, về cảm xúc.
- c. Con người tri giác lẫn nhau và ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau.
- d. Cả a, b và c.

Đáp án: d

Câu 61. *“Hiền dữ phải đâu là tính sẵn; Phần nhiều do giáo dục mà nên”*

Câu thơ trên đề cập tới vai trò của yếu tố nào trong sự hình thành, phát triển nhân cách?

- a. Di truyền.
- b. Môi trường.
- c. Giáo dục.
- d. Hoạt động và giao tiếp.

Đáp án: c

Câu 62. Trong tâm lí học hoạt động, khi phân chia các giai đoạn lứa tuổi trong quá trình phát triển cá nhân, ta thường căn cứ vào:

- a. Các hoạt động mà cá nhân tham gia.
- b. Những phát triển đột biến tâm lí trong từng thời kì.
- c. Hoạt động chủ đạo của giai đoạn đó.
- d. Tuổi đời của cá nhân

Đáp án: c

Câu 63. Yếu tố giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, nhân cách con người là:

- a. Bẩm sinh di truyền.
- b. Môi trường.

- c. Hoạt động và giao tiếp.
- d. Cả a và b.

Đáp án: c

Câu 64. Trong tâm lí học hoạt động, hoạt động là:

- a. Phương thức tồn tại của con người trong thế giới.
- b. Sự tiêu hao năng lượng, thần kinh, cơ bắp của con người tác động vào hiện thực khách quan để thoả mãn các nhu cầu của cá nhân.
- c. Mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và thế giới để tạo ra sản phẩm cả về phía thế giới, cả về phía con người.
- d. Điều kiện tất yếu đảm bảo sự tồn tại của cá nhân.

Đáp án: c

Câu 65. Đối tượng của hoạt động:

- a. Có trước khi chủ thể tiến hành hoạt động.
- b. Có sau khi chủ thể tiến hành hoạt động.
- c. Được hình thành và bộc lộ dần trong quá trình hoạt động.
- d. Là mô hình tâm lí định hướng hoạt động của cá nhân.

Đáp án: c

Câu 66. Hãy ghép các lứa tuổi (cột A) tương ứng với các dạng hoạt động chủ đạo (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tuổi sơ sinh	a. Hoạt động vui chơi.
2. Tuổi mẫu giáo.	b. Hoạt động giao lưu cảm xúc trực tiếp với người lớn.
3. Tuổi nhi đồng.	c. Hoạt động lao động và hoạt động xã hội.

4. Tuổi trưởng thành. | d. Hoạt động sáng tạo nghệ thuật.
e. Hoạt động học tập.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - b, 2 - a, 3 - e, 4 - c

Câu 67. Hãy ghép các định nghĩa (cột A) tương ứng với thuật ngữ đúng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Hoạt động.	a. Là quá trình chủ thể chiếm lĩnh đối tượng bằng các phương tiện nhất định.
2. Hành động.	b. Là quá trình chủ thể thực hiện mục đích bằng một phương tiện nhất định.
3. Thao tác.	c. Là quá trình chủ thể chiếm lĩnh đối tượng mà chủ thể thấy cần phải đạt được nó trên con đường hiện thực hoá động cơ. d. Là quá trình chủ thể hướng đến đối tượng nhằm thoả mãn nhu cầu. Là quá trình hiện thực hoá động cơ.

Phương án đúng nhất: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - c, 2 - b, 3 - a

Câu 68. Di truyền có vai trò...(1)... trong sự hình thành và phát triển tâm lí người. Nó là cơ sở...(2) của hiện tượng tâm lí, với những đặc điểm giải phẫu sinh lí của hệ thần kinh. Đặc biệt,...(3)... là yếu tố tạo nên sự khác biệt về đặc điểm giác quan của hệ thần kinh cũng như năng lực hoạt động khác nhau của con người.

- a. Tiền đề
b. Chủ đạo

- c. Vật chất
- d. Trọng yếu
- e. Tư chất
- f. Quy định

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - a, 2 - c, 3 - e

Câu 69. Tâm lí là...(1)... của não. Khi nảy sinh trên não, cùng với quá trình...(2)... của não, hiện tượng tâm lí thực hiện chức năng định hướng, điều khiển, điều chỉnh.... (3)... của con người.

- a. Hành vi
- b. Hoá sinh
- c. Sinh lí
- d. Chức năng
- e. Sản phẩm
- f. Đời sống

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d, 2 - c, 3 - a

Câu 70. Các quan hệ...(1).. tạo nên ... (2)... của con người. Sự phát triển xã hội loài người tuân theo quy luật văn hoá - xã hội. Trong đó hoạt động tâm lí của con người chịu chi phối của...(3), yếu tố giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển tâm lí người.

- a. Xã hội
- b. Môi trường
- c. Giáo dục
- d. Bản chất

e. Đòi sống

f. Tâm lí

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a, 2 - f, 3 - b

Câu 71. Hoạt động bao gồm hai quá trình diễn ra đồng thời và bổ sung cho nhau. Đó là quá trình...(1)... và quá trình...(2)... Thông qua hai quá trình này, tâm lí của con người được...(3)... trong hoạt động.

a. Đối tượng hoá

b. Tâm lí

c. Hình thành và phát triển

d. Bộc lộ và hình thành

e. Chủ thể hoá

f. Phản ứng

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a, 2 - e, 3 - d

Câu 72. Giao tiếp là sự...(1)... tâm lí giữa người với người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về ...(2)..., về...(3)..., tri giác lẫn nhau và tác động qua lại với nhau.

a. Thông tin

b. Tâm lí

c. Cảm xúc

d. Ảnh hưởng

e. Tiếp xúc

f. Kết hợp

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - e, 2 - a, 3 - c

Câu 73. Hoạt động bao giờ cũng có...(1)... Đó là cái con người cần làm ra, cần chiếm lĩnh. Được gọi là ...(2)... của hoạt động. Nó luôn thúc đẩy con người hoạt động để tạo nên những ...(3)... tâm lí mới với những năng lực mới.

- a. Chủ thể
- b. Đối tượng
- c. Động cơ
- d. Cá nhân
- e. Kết quả
- f. Sản phẩm

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b, 2 - c, 3 - f

Câu 74. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: Tâm lí người có nguồn gốc từ (1).. được chuyển vào trong(2)..., là ...(3)... chuyển thành kinh nghiệm cá nhân thông qua hoạt động và giao tiếp, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo.

- a. Thế giới khách quan
- b. Não người
- c. Kinh nghiệm xã hội – lịch sử
- d. Giác quan
- e. Quan hệ xã hội
- f. Nội dung xã hội

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a, 2 - b, 3 - c

Câu 75. Hình thức phản ánh tâm lí đầu tiên xuất hiện cách đây khoảng:

- a. 600 triệu năm.
- b. 500 triệu năm.
- c. 400 triệu năm.
- d. 300 triệu năm.

Đáp án: a

Câu 76. Tiêu chuẩn để xác định sự nảy sinh tâm lí là:

- a. Tính chịu kích thích.
- b. Tính cảm ứng.
- c. Tính thích ứng.
- d. Tính thích nghi

Đáp án: b

Câu 77. Xét về phương diện loài trong sự hình thành và phát triển tâm lý, hiện tượng tâm lý đơn giản nhất (cảm giác) bắt đầu xuất hiện ở:

- a. Loài cá.
- b. Loài chim.
- c. Côn trùng.
- d. Lưỡng cư.

Đáp án: b

Câu 78. Xét về phương diện loài trong sự hình thành và phát triển tâm lý, thời kỳ tri giác bắt đầu xuất hiện ở:

- a. Loài cá.
- b. Loài chim.
- c. Lưỡng cư.

d. Bò sát.

Đáp án: a

Câu 79. Hoạt động chủ đạo là hoạt động:

1. Có đối tượng mới.
2. Chiếm nhiều thời gian và tâm trí của chủ thể nhất.
3. Ảnh hưởng quyết định đối với sự phát triển tâm lý của chủ thể.
4. Quy định tính chất của các hoạt động khác của chủ thể.
5. Tạo ra sản phẩm nhằm thoả mãn những nhu cầu của con người.

Phương án đúng:

a: 1, 3, 5.

b: 1, 2, 4.

c: 1, 3, 4.

d: 2, 3, 5.

Đáp án: c

Câu 80. Ý thức là:

- a. Hình thức phản ánh tâm lý chỉ có ở con người.
- b. Hình thức phản ánh bằng ngôn ngữ.
- c. Khả năng hiểu biết của con người.
- d. Tồn tại được nhận thức.

Đáp án: a

Câu 81. Cấu trúc của ý thức bao gồm các thành phần:

1. Mặt nhận thức.
2. Mặt hành động.

3. Mặt thái độ.
4. Mặt năng động.
5. Mặt sáng tạo.

Phương án đúng:

- a: 1, 3, 4.
b: 1, 2, 3.
c: 2, 3, 4.
d: 1, 3, 5.

Đáp án: a

Câu 82. Những yếu tố tạo nên sự hình thành ý thức của con người là:

1. Lao động
2. Ngôn ngữ
3. Nhận thức
4. Hoạt động
5. Giao tiếp

Phương án đúng:

- a: 1, 3, 5.
b: 1, 2, 5.
c: 1, 2, 4.
d: 2, 3, 5.

Đáp án: b

Câu 83. Vai trò của lao động đối với sự hình thành ý thức được thể hiện trong những trường hợp:

1. Lao động đòi hỏi con người phải hình dung ra được mô hình cuối cùng của sản phẩm và cách làm ra sản phẩm đó.
2. Lao động đòi hỏi con người phải chế tạo và sử dụng công cụ lao động, tiến hành các thao tác và hành động lao động tác động vào đối tượng để làm ra sản phẩm.
3. Lao động tạo ra những sản phẩm vật chất và tinh thần nhằm thoả mãn những nhu cầu phong phú của con người.
4. Sau khi làm ra sản phẩm, con người đối chiếu sản phẩm đã làm ra với mô hình tâm lí của sản phẩm mà mình đã hình dung ra trước để hoàn thiện sản phẩm đó.
5. Lao động tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Phương án đúng:

- a: 1, 2, 3.
- b: 2, 3, 5.
- c: 1, 2, 4.
- d: 1, 2, 5.

Đáp án: c

Câu 84. Nhân tố đóng vai trò quyết định đối với sự hình thành tự ý thức cá nhân là:

- a. Hoạt động cá nhân.
- b. Giao tiếp với người khác.
- c. Tiếp thu nền văn hoá xã hội, ý thức xã hội.
- d. Tự nhận thức, tự đánh giá, tự phân tích hành vi của mình.

Đáp án: d

Câu 85. Hành vi vô thức được thể hiện trong trường hợp:

- a. Một em bé khóc vì không được coi phim hoạt hình.

- b. Một em bé khóc đòi mẹ mua đồ chơi.
- c. Một em học sinh quên làm bài tập trước khi đến lớp.
- d. Một em bé sơ sinh khóc khi mới được sinh ra.

Đáp án: d

Câu 86. Hành vi có ý thức được thể hiện trong trường hợp:

- a. Trong cơn say, Chí Phèo chửi trời, chửi đất, chửi mọi người, thậm chí chửi cả người đã sinh ra hắn.
- b. Trong cơn tức giận anh đã tát con mà không nghĩ đến hậu quả tai hại của nó.
- c. Cường quyết định thi vào sư phạm và giải thích rằng đó là do mình yêu trẻ.
- d. Minh có tật cứ khi ngồi suy nghĩ là lại rung đùi.

Đáp án: c

Câu 87. Một sinh viên đang chăm chú nghe giảng bỗng có tiếng động mạnh, em đã quay về phía có tiếng động. Đó là hiện tượng:

- a. Di chuyển chú ý.
- b. Tập trung chú ý.
- c. Phân tán chú ý.
- d. Phân phối chú ý.

Đáp án: c

Câu 88. Điều kiện cần thiết để nảy sinh và duy trì chú ý có chủ định là:

- a. Nêu mục đích và nhiệm vụ có ý nghĩa cơ bản của hoạt động.
- b. Sự mới lạ của vật kích thích.
- c. Độ tương phản của vật kích thích.
- d. Sự hấp dẫn của vật kích thích.

Đáp án: a

Câu 89. Newton có thói quen tự nấu ăn sáng, có lần mãi suy nghĩ, ông đã luộc chiếc đồng hồ trong xoong trong khi tay vẫn cầm quả trứng sống. Hiện tượng trên là sự biểu hiện của:

- a. Sự bền vững của chú ý.
- b. Sự phân phối chú ý.
- c. Sức tập trung chú ý.
- d. Sự di chuyển chú ý.

Đáp án: c

Câu 90. Trong học tập, sinh viên vừa nghe giảng, vừa suy nghĩ, vừa ghi chép. Đó là khả năng:

- a. Di chuyển chú ý.
- b. Tập trung chú ý.
- c. Phân phối chú ý.
- d. Độ bền vững chú ý.

Đáp án: c

Câu 91. Sự di chuyển của chú ý được thể hiện trong trường hợp:

- a. Một người trong khi nói chuyện vẫn nhìn và nghe tất cả những gì xảy ra xung quanh.
- b. Một sinh viên đang học bài thì quay sang nói chuyện với bạn.
- c. Một sinh viên sau khi suy nghĩ đã phát biểu rất hăng hái.
- d. Một sinh viên đang nghe giảng thì chuyển sang nghe tiếng hát từ bên ngoài vọng đến.

Đáp án: d

Câu 92. Chú ý được coi là điều kiện của hoạt động có ý thức vì:

1. Chú ý giúp con người định hướng hoạt động.

2. Đảm bảo điều kiện thần kinh – tâm lí cần thiết cho hoạt động.
3. Chú ý giúp con người thực hiện có kết quả hoạt động của mình.
4. Thu hút con người vào hoạt động có mục đích.
5. Không thể có hoạt động nếu thiếu sự chú ý.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 3.
- b. 2, 3, 4.
- c. 1, 2, 4.
- d. 1, 3, 5.

Đáp án: a

Câu 93. Một động vật có khả năng đáp lại những kích thích ảnh hưởng trực tiếp và cả kích thích ảnh hưởng gián tiếp đến sự tồn tại của cơ thể thì động vật đó đang ở giai đoạn:

- a. Tính chịu kích thích.
- b. Cảm giác.
- c. Tri giác.
- d. Tư duy.

Đáp án: a

Câu 94. Động vật nào bắt đầu xuất hiện tri giác?

- a. Động vật nguyên sinh.
- b. Động vật không xương sống.
- c. Cá.
- d. Thú.

Đáp án: c

Câu 95. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào là hành vi có ý thức?

- a. Trong cơn say, Chí Phèo chửi trời, chửi đất, chửi mọi người, thậm chí chửi cả người đã sinh ra hắn.
- b. Minh có tật cứ khi ngồi suy nghĩ là lại rung đùi.
- c. Trong cơn tức giận, anh đã tát con mà không hiểu được hậu quả tai hại của nó.
- d. Cường luôn đi học muộn, làm mất điểm thi đua của lớp dù các bạn đã nhắc nhở nhiều lần.

Đáp án: d

Câu 96. Tự ý thức được hiểu là:

- a. Khả năng tự giáo dục theo một hình thức lí tưởng.
- b. Tự nhận thức, tự tỏ thái độ và điều khiển hành vi, hoàn thiện bản thân.
- c. Tự nhận xét, đánh giá người khác theo quan điểm của bản thân.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: d

Câu 97. Chú ý có chủ định phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào dưới đây?

- a. Độ mới lạ của vật kích thích.
- b. Cường độ của vật kích thích.
- c. Sự trái ngược giữa sự vật và bối cảnh xung quanh.
- d. Ý thức, xu hướng và tình cảm cá nhân.

Đáp án: d

Câu 98. Chú ý không chủ định phụ thuộc nhiều nhất vào:

- a. Đặc điểm vật kích thích.

- b. Xu hướng cá nhân.
- c. Mục đích hoạt động.
- d. Tình cảm của cá nhân.

Đáp án: a

Câu 99. Hành vi nào sau đây là hành vi vô thức?

- a. Lan mở vở trong giờ kiểm tra vì sợ bị điểm kém.
- b. Vì quá đau đớn, cô ấy bỏ chạy khỏi nhà và cứ đi, đi mãi mà không biết mình đi đâu.
- c. Dung rất thương mẹ, em thường giúp mẹ làm việc nhà sau khi học xong.
- d. Tâm nhìn thấy đèn đỏ nhưng vẫn cố vượt qua đường.

Đáp án: b

Câu 100. Đặc điểm nào thuộc về sự phân phối chú ý?

- a. Có khả năng di chuyển chú ý từ đối tượng này sang đối tượng khác.
- b. Cùng một lúc chú ý đầy đủ, rõ ràng đến nhiều đối tượng hoặc nhiều hoạt động.
- c. Chú ý lâu dài vào đối tượng.
- d. Chú ý sâu vào một đối tượng để phản ánh tốt hơn đối tượng đó.

Đáp án: b

Câu 101. Về phương diện loài, ý thức con người được hình thành nhờ:

- a. Lao động, ngôn ngữ.
- b. Tiếp thu nền văn hoá xã hội.
- c. Tự nhận thức, tự đánh giá, tự giáo dục.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: a

Câu 102. Đặc điểm chủ yếu để phân biệt chú ý sau chủ định và chú ý có chủ định là:

- a. Ít căng thẳng nhưng khó duy trì lâu dài.
- b. Có mục đích, có thể duy trì lâu dài.
- c. Diễn ra tự nhiên, không chủ định.
- d. Bắt đầu có mục đích nhưng diễn ra không căng thẳng và có hiệu quả cao.

Đáp án: d

Câu 103. Đặc điểm đặc trưng cho mức độ nhận thức cảm tính là:

- 1. Phản ánh hiện thực khách quan một cách trực tiếp.
- 2. Phản ánh cái đã qua, đã có trong kinh nghiệm của cá nhân.
- 3. Phản ánh những thuộc tính bên ngoài, trực quan của sự vật hiện tượng.
- 4. Phản ánh khái quát các sự vật hiện tượng cùng loại.
- 5. Phản ánh từng sự vật, hiện tượng cụ thể.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 3.
- b. 1, 3, 5.
- c. 2, 3, 5.
- d. 1, 3, 4.

Đáp án: b

Câu 104. Hình thức định hướng đầu tiên của con người trong hiện thực khách quan là:

- a. Cảm giác.
- b. Tri giác.
- c. Tư duy
- d. Tưởng tượng.

Đáp án: a

Câu 105. Đặc điểm đặc trưng của cảm giác là:

1. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới.
2. Nguồn khởi đầu của mọi nhận biết về thế giới.
3. Kết quả của sự phối hợp hoạt động của các cơ quan phân tích.
4. Sự phản ánh các thuộc tính riêng lẻ của sự vật, hiện tượng.
5. Là mức độ cao của nhận thức cảm tính.

Phương án đúng là:

- A. 1, 2, 4.
- B. 3, 4, 5.
- C. 1, 2, 3.
- D. 1, 3, 5.

Đáp án: a

Câu 106. Sự khác biệt về chất giữa cảm giác ở con người với cảm giác ở động vật là ở chỗ cảm giác của con người:

- a. Phong phú hơn động vật.
- b. Chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ.
- c. Mang bản chất xã hội – lịch sử.
- d. Chịu ảnh hưởng của những hiện tượng tâm lý cao cấp khác.

Đáp án: c

Câu 107. Nội dung quy luật về ngưỡng cảm giác được phát biểu:

- a. Ngưỡng phía dưới của cảm giác tỉ lệ nghịch với độ nhạy cảm của cảm giác.
- b. Ngưỡng phía trên của cảm giác tỉ lệ nghịch với độ nhạy cảm của cảm giác.

- c. Ngưỡng cảm giác tỉ lệ nghịch với độ nhạy cảm của cảm giác.
- d. Ngưỡng sai biệt tỉ lệ nghịch với độ nhạy cảm của cảm giác.

Đáp án: a

Câu 108. Quy luật tác động qua lại giữa các cảm giác được thể hiện trong những trường hợp:

1. Dưới ảnh hưởng của một số mùi, người ta thấy độ nhạy cảm của thính giác tăng lên rõ rệt.
2. Một mùi tác động lâu sẽ không gây cảm giác nữa.
3. Người mù định hướng trong không gian chủ yếu dựa vào các cảm giác đụng chạm, sờ mó, khứu giác, vận động giác và cảm giác rung.
4. Dưới ảnh hưởng của vị ngọt của đường, độ nhạy cảm màu sắc đối với màu da cam bị giảm xuống.
5. Sau khi đứng trên xe buýt một lúc thì cảm giác khó chịu về mùi mồ hôi nồng nặc mất đi, còn người mới lên xe lại cảm thấy khó chịu về mùi đó.

Phương án đúng là:

- a. 1, 3, 5
- b. 2, 3, 5
- c. 1, 3, 4
- d. 2, 4, 5

Đáp án: c

Câu 109. Quy luật ngưỡng cảm giác được người giáo viên vận dụng trong những trường hợp:

1. Lời nói của giáo viên rõ ràng, đủ nghe.
2. Sử dụng luật tương phản trong dạy học.
3. Sử dụng đồ dùng trực quan có kích thước đủ rõ.

4. Thay đổi hình thức và phương pháp dạy học một cách hợp lí.
5. Hướng dẫn học sinh cách bảo vệ và giữ gìn các giác quan tốt.

Phương án đúng là:

- a. 1, 3, 4
- b. 1, 3, 5
- c. 2, 3, 5
- d. 2, 3, 4

Đáp án: b

Câu 110. Sự vận dụng quy luật thích ứng của cảm giác trong quá trình dạy học được biểu hiện trong trường hợp:

- a. Thay đổi ngữ điệu của lời nói cho phù hợp với nội dung cần diễn đạt.
- b. Lời nói của giáo viên rõ ràng, mạch lạc.
- c. Tác động đồng thời lên các giác quan để tạo sự tăng cảm ở học sinh.
- d. Giới thiệu đồ dùng trực quan kèm theo lời chỉ dẫn để học sinh dễ quan sát.

Đáp án: a

Câu 111. Cách giải thích nào là phù hợp nhất cho trường hợp sau: Những người dạy vĩ cầm, căn cứ vào hình thức của chiếc đàn, có thể biết được “giấy thông hành” của chiếc đàn: nó được làm ở đâu, bao giờ và do ai làm ra.

- a. Sự tăng cảm.
- b. Sự tác động qua lại giữa các cảm giác.
- c. Sự rèn luyện độ nhạy cảm.
- d. Sự chuyển cảm giác.

Đáp án: c

Câu 112. Khi nấu chè, muốn tốn ít đường mà chè vẫn có độ ngọt, người ta thường cho thêm một ít muối vào nồi chè. Đó là sự vận dụng của quy luật:

- a. Ngưỡng cảm giác.
- b. Thích ứng của cảm giác.
- c. Tương phản của cảm giác.
- d. Chuyển cảm giác.

Đáp án: c

Câu 113. Trường hợp nào đã dùng từ "cảm giác" đúng với khái niệm cảm giác trong tâm lí học?

- a. Cảm giác day dứt cứ theo đuổi cô mãi khi cô để Lan ở lại một mình trong lúc tinh thần suy sụp.
- b. Cảm giác lạnh buốt khi ta chạm lưỡi vào que kem.
- c. Tôi có cảm giác việc ấy xảy ra đã lâu lắm rồi.
- d. Khi "người ấy" xuất hiện, cảm giác vừa giận vừa thương lại trào lên trong lòng tôi.

Đáp án: b

Câu 114. Điều nào dưới đây là sự tương phản?

- a. Uống nước đường nếu cho một chút muối vào sẽ cảm giác ngọt hơn nếu không cho thêm muối.
- b. Ăn chè nguội có cảm giác ngọt hơn ăn chè nóng.
- c. Khi đắp nước lạnh lên mặt thì độ tinh của mắt người phi công tăng lên.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: a

Câu 115. Những đặc điểm đặc trưng của tri giác là:

1. Một quá trình tâm lí.

2. Phản ánh quy luật của tự nhiên và xã hội.
3. Phản ánh sự vật, hiện tượng theo một cấu trúc nhất định.
4. Phản ánh hiện thực khách quan một cách trực tiếp.
5. Quá trình nhận thức bắt đầu và thực hiện chủ yếu bằng hình ảnh.

Phương án đúng là:

- a. 1, 3, 4
- b. 2, 3, 5
- c. 1, 2, 4
- d. 2, 4, 5

Đáp án: a

Câu 116. Thành phần chính của nhận thức cảm tính là:

- a. Cảm giác.
- b. Tri giác.
- c. Trí nhớ.
- d. Xúc cảm.

Đáp án: b

Câu 117. Khả năng phản ánh đối tượng không thay đổi khi điều kiện tri giác đã thay đổi là nội dung của quy luật:

- a. Tính đối tượng của tri giác.
- b. Tính lựa chọn của tri giác.
- c. Tính ý nghĩa của tri giác.
- d. Tính ổn định của tri giác.

Đáp án: d

Câu 118. Khi tri giác con người tách đối tượng ra khỏi bối cảnh xung quanh, lấy nó làm đối tượng phản ánh của mình. Đó là nội dung của quy luật:

- a. Tính lựa chọn của tri giác.
- b. Tính đối tượng của tri giác.
- c. Tính ổn định của tri giác
- d. Tính ý nghĩa của tri giác.

Đáp án: a

Câu 119. Trong cuộc sống, ta thường thấy có hiện tượng “Yêu nên tốt, ghét nên xấu” là do:

- a. Tính đối tượng của tri giác.
- b. Tính lựa chọn của tri giác.
- c. Tính ý nghĩa của tri giác.
- d. Tính ổn định của tri giác.

Đáp án: a

Câu 120. Câu thơ của Nguyễn Du: “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” là sự thể hiện của:

- a. Tính ổn định của tri giác.
- b. Tính ý nghĩa của tri giác.
- c. Tính đối tượng của tri giác.
- d. Tổng giác.

Đáp án: d

Câu 121. Hiện tượng tổng giác thể hiện ở nội dung nào?

- a. Sự phụ thuộc của tri giác vào nội dung đời sống tâm lí của cá thể.
- b. Sự phụ thuộc của tri giác vào đặc điểm đối tượng tri giác.

- c. Sự ổn định của hình ảnh tri giác.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: a

Câu 122. Điều nào không đúng với năng lực quan sát?

- a. Hình thức tri giác cao nhất chỉ có ở con người.
- b. Khả năng tri giác nhanh chóng, chính xác những điểm quan trọng chủ yếu của sự vật dù nó khó nhận thấy.
- c. Thuộc tính tâm lí của nhân cách.
- d. Phẩm chất trí tuệ cần giáo dục cho con người để hoạt động có kết quả cao.

Đáp án: c

Câu 123. Trong cuộc sống, khi tri giác phải tính đến kinh nghiệm và sự hiểu biết của con người, đến toàn bộ đời sống tâm lý của họ để việc tri giác được tinh tế nhạy bén. Đó là sự vận dụng:

- a. Tính ổn định của tri giác.
- b. Tính lựa chọn của tri giác.
- c. Tính đối tượng.
- d. Tổng giác.

Đáp án: d

Câu 124. Galilê đã tìm ra định luật dao động của con lắc trong trường hợp: khi làm lễ ở nhà thờ, ông nhìn lên chiếc đèn chùm bằng đồng của cha cả B.Chenlin. Gió thổi qua cửa sổ làm chiếc đèn khê đu đưa. Galilê bắt đầu đo thời gian dao động của cái đèn theo nhịp tim của mình. Ông bất chợt phát hiện ra rằng, thời gian dao động của cái đèn luôn xác định.

Năng lực tri giác nào dưới đây được thể hiện trong ví dụ trên?

- a. Năng lực tri giác trọn vẹn đối tượng.

- b. Năng lực quan sát đối tượng.
- c. Năng lực phối hợp các giác quan khi tri giác.
- d. Năng lực phản ánh đối tượng theo một cấu trúc nhất định.

Đáp án: b

Câu 125. Khi giới thiệu đồ dùng trực quan cần kèm theo lời chỉ dẫn. Kết luận này là sự vận dụng quy luật nào của tri giác:

- a. Tính trọn vẹn.
- b. Tính lựa chọn.
- c. Tính có ý nghĩa.
- d. Tính ổn định.

Đáp án: c

Câu 126. Những đặc điểm đặc trưng cho tư duy của con người là:

1. Phản ánh cái mới, cái chưa biết.
2. Phản ánh những thuộc tính bản chất, tính quy luật của sự vật hiện tượng.
3. Phản ánh khi có sự tác động trực tiếp của sự vật hiện tượng vào giác quan.
4. Phản ánh các thuộc tính trực quan bên ngoài của sự vật hiện tượng.
5. Là một quá trình tâm lí chỉ nảy sinh trong hoàn cảnh có vấn đề.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 5
- b. 2, 3, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 3, 4

Đáp án: a

Câu 127. Quá trình tâm lý cho phép con người cải tạo lại thông tin của nhận thức cảm tính làm cho chúng có ý nghĩa hơn đối với hoạt động nhận thức của con người là:

- a. Trí nhớ.
- b. Tri giác.
- c. Tư duy.
- d. Tưởng tượng.

Đáp án: c

Câu 128. Quá trình tâm lý nảy sinh khi xuất hiện hoàn cảnh có vấn đề, giúp con người nhận thức và cải tạo hiện thực khách quan là:

- a. Cảm giác.
- b. Trí nhớ.
- c. Tri giác.
- d. Tư duy.

Đáp án: d

Câu 129. Khi đến bến xe buýt không phải “giờ cao điểm” mà thấy quá đông người đợi, ta nghĩ ngay rằng xe đã bỏ chuyến.

Đặc điểm nào dưới đây của tư duy được mô tả trong trường hợp trên?

- a. Tính có vấn đề.
- b. Tính gián tiếp.
- c. Tính trừu tượng.
- d. Tính khái quát.

Đáp án: b

Câu 130. Muốn kích thích tư duy thì hoàn cảnh có vấn đề phải bảo đảm các điều kiện:

1. Cá nhân ý thức được vấn đề.
2. Dữ kiện nằm ngoài tầm hiểu biết.
3. Có nhu cầu giải quyết vấn đề.
4. Dữ kiện nằm trong tầm hiểu biết.
5. Dữ kiện quen thuộc.

Phương án đúng là:

- a. 1, 3, 5
- b. 1, 2, 4
- c. 1, 3, 4
- d. 2, 3, 5

Đáp án: c

Câu 131. Nắm được quy luật đàn hồi của kim loại dưới tác động của nhiệt, người kĩ sư đã thiết kế những khoảng cách nhỏ giữa các đoạn đường ray để đảm bảo an toàn khi tàu chạy. Đặc điểm nào dưới đây của tư duy được thể hiện trong trường hợp trên?

- a. Tính “có vấn đề”.
- b. Tính gián tiếp.
- c. Tính trừu tượng và khái quát.
- d. Tính chất lí tính của tư duy.

Đáp án: c

Câu 132. Đặc điểm nào của tư duy thể hiện rõ nhất trong tình huống sau:

"Một bác sĩ có kinh nghiệm chỉ cần nhìn vào vẻ ngoài của bệnh nhân là có thể đoán biết được họ bị bệnh gì?".

- a. Tính có vấn đề của tư duy.
- b. Tư duy liên hệ chặt chẽ với ngôn ngữ.
- c. Tư duy liên hệ chặt chẽ với nhận thức cảm tính.
- d. Tính trừu tượng và khái quát của tư duy.

Đáp án: d

Câu 133. Trong những tình huống sau, tình huống nào chứng tỏ tư duy xuất hiện?

- a. Cô ấy đang nghĩ về cảm giác sung sướng ngày hôm qua khi lên nhận phần thưởng.
- b. Cứ đặt mình nằm xuống, Vân lại nghĩ về Sơn: Những kỉ niệm từ thuở thiếu thời tràn đầy kí ức.
- c. Trống vào đã 15 phút mà cô giáo chưa đến, Vân nghĩ: Chắc cô giáo hôm nay lại ốm.
- d. Cả a, b, c.

Đáp án: c

Câu 134. Trong một hành động tư duy cụ thể, việc sử dụng các thao tác tư duy được thực hiện:

- 1. Theo một trình tự nhất định.
- 2. Do nhiệm vụ tư duy quy định.
- 3. Đan xen nhau không theo một trình tự nào.
- 4. Không nhất thiết phải thực hiện đầy đủ các thao tác tư duy.
- 5. Phải thực hiện đầy đủ các thao tác tư duy.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 4
- b. 2, 3, 4

c. 2, 3, 5

d. 1, 2, 5

Đáp án: a

Câu 135. Trong số những đặc điểm của quá trình phản ánh được nêu ra dưới đây, đặc điểm nào đặc trưng cho tư duy?

a. Phản ánh kinh nghiệm đã qua dưới dạng các ý nghĩ, cảm xúc, hình tượng về sự vật, hiện tượng đã tri giác dưới đây.

b. Phản ánh các sự vật, hiện tượng trong toàn bộ thuộc tính và bộ phận của chúng.

c. Phản ánh những dấu hiệu bản chất, những mối liên hệ mang tính quy luật của sự vật và hiện tượng.

d. Cả a, b, c.

Đáp án: c

Câu 136. Phát triển tư duy phải gắn liền với việc trau dồi ngôn ngữ. Biện pháp này được rút ra từ đặc điểm nào dưới đây của tư duy?

a. Tính gián tiếp.

b. Tính trừu tượng và khái quát.

c. Tư duy có quan hệ mật thiết với ngôn ngữ.

d. Tư duy có quan hệ mật thiết với nhận thức cảm tính.

Đáp án: c

Câu 137. Trước khi giải bài tập toán, chúng ta thường tóm tắt đề. Việc làm đó có tác dụng kích thích thao tác nào dưới đây của tư duy?

a. Phân tích.

b. Tổng hợp.

c. Trừu tượng hoá.

d. Khái quát hoá.

Đáp án: c

Câu 138. Đọc nhật ký của Đặng Thùy Trâm, ta như thấy cuộc chiến đấu ác liệt của nhân dân ta trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước hiện ra trước mắt. Đó là sự thể hiện của loại tưởng tượng:

a. Tưởng tượng sáng tạo.

b. Tưởng tượng tái tạo.

c. Ước mơ.

d. Lý tưởng.

Đáp án: b

Câu 139. Các nhà phê bình đã sử dụng phương pháp nào dưới đây để vẽ tranh biếm họa:

a. Nhấn mạnh chi tiết sự vật.

b. Chắp ghép.

c. Liên hợp.

d. Diễn hình hoá.

Đáp án: a

Câu 140. Các nhà văn, nhà soạn kịch... đã xây dựng nên tính cách cho các nhân vật trong tác phẩm của mình bằng phương pháp:

a. Chắp ghép.

b. Liên hợp.

c. Diễn hình hoá.

d. Loại suy.

Đáp án: c

Câu 141. Cla-nhe (một kĩ sư người Mĩ) đã dựa vào cấu tạo đặc biệt của lớp da cá heo mà chế tạo thành công tàu cá heo giảm được 60% sức cản của nước. Phương pháp sáng chế này là:

- a. Diễn hình hoá.
- b. Liên hợp.
- c. Chắp ghép.
- d. Loại suy.

Đáp án: d

Câu 142. Trong các đặc điểm phản ánh dưới đây, đặc điểm nào chỉ đặc trưng cho tưởng tượng mà không đặc trưng cho các quá trình tâm lí khác?

- a. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới bên ngoài.
- b. Phản ánh cái mới, cái chưa biết.
- c. Phản ánh cái mới trên cơ sở lựa chọn và kết hợp các hình ảnh.
- d. Được kích thích bởi hoàn cảnh có vấn đề.

Đáp án: c

Câu 143. Hình ảnh con rồng trong dân gian của người Việt Nam được xây dựng bằng phương pháp:

- a. Chắp ghép.
- b. Liên hợp.
- c. Diễn hình hoá.
- d. Loại suy.

Đáp án: a

Câu 144. Những đặc điểm đặc trưng cho mức độ nhận thức lí tính là:

1. Phản ánh bằng con đường gián tiếp với sự tham gia tất yếu của ngôn ngữ.

2. Phản ánh kinh nghiệm của con người thuộc các lĩnh vực nhận thức, cảm xúc, hành vi.
3. Phản ánh những thuộc tính trực quan, cụ thể của sự vật, hiện tượng.
4. Phản ánh các dấu hiệu chung, bản chất của sự vật, hiện tượng.
5. Phản ánh quy luật vận động của tự nhiên và xã hội.

Phương án đúng là:

- a. 1, 3, 4
- b. 2, 3, 5
- c. 2, 4, 5
- d. 1, 4, 5

Đáp án: d

Câu 145. Nhờ ngôn ngữ mà con người có thể lĩnh hội nền văn hoá xã hội, nâng cao tầm hiểu biết của mình. Đó là thể hiện vai trò của ngôn ngữ đối với:

- a. Tri giác.
- b. Trí nhớ.
- c. Tư duy.
- d. Tưởng tượng.

Đáp án: c

Câu 146. Những đặc điểm nào dưới đây phù hợp với đặc điểm trí nhớ của con người?

1. Toàn bộ khối lượng của tài liệu không bao giờ được ghi nhớ một cách nguyên vẹn.
2. Các quá trình tri giác, giữ gìn, xử lí thông tin đều mang tính chất chọn lọc.
3. Sự ghi nhớ thông tin được tiêu chuẩn hoá một cách chặt chẽ.
4. Toàn bộ khối lượng của tài liệu có thể được ghi nhớ nguyên vẹn.

5. Sự ghi nhớ thông tin không được tiêu chuẩn hoá.

Phương án đúng là:

- a. 2, 4, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 2, 5

Đáp án: d

Câu 147. Trong cuộc sống ta thấy có hiện tượng chột nhớ hay sức nhớ ra một điều gì đó gắn với một hoàn cảnh cụ thể. Đó là biểu hiện của quá trình:

- a. Nhớ lại không chủ định.
- b. Nhận lại không chủ định.
- c. Nhớ lại có chủ định.
- d. Nhận lại có chủ định.

Đáp án: b

Câu 148. Sinh viên thường ghi nhớ máy móc khi:

- 1. Không hiểu ý nghĩa của tài liệu.
- 2. Tài liệu quá dài.
- 3. Được yêu cầu trả lời đúng như trong sách vở.
- 4. Nội dung tài liệu không có quan hệ lôgic.
- 5. Tài liệu ngắn, dễ học.

Phương án đúng là:

- a. 1, 4, 5
- b. 1, 3, 4

c. 1, 3, 5

d. 1, 2, 5

Đáp án: b

Câu 149. Đặc trưng của ghi nhớ có chủ định là hiệu quả phụ thuộc chủ yếu vào:

- a. Động cơ, mục đích ghi nhớ.
- b. Khả năng gây cảm xúc của tài liệu.
- c. Hành động được lặp lại nhiều lần.
- d. Tính mới mẻ của tài liệu.

Đáp án: a

Câu 150. Trong học tập, sinh viên xây dựng đề cương để ghi nhớ tài liệu là cách:

- a. Ghi nhớ không chủ định.
- b. Ghi nhớ có chủ định.
- c. Ghi nhớ máy móc.
- d. Ghi nhớ ý nghĩa.

Đáp án: d

Câu 151. Sản phẩm của trí nhớ là:

- a. Hình ảnh.
- b. Biểu tượng.
- c. Khái niệm.
- d. Rung cảm.

Đáp án: b

Câu 152. Đây là dấu hiệu đặc trưng nhất để phân biệt giữ gìn tiêu cực với giữ gìn tích cực?

- a. Chỉ giữ gìn tài liệu không cần thiết cho hoạt động.
- b. Giữ gìn dựa trên sự tri giác lại tài liệu nhiều lần một cách rập khuôn.
- c. Thực chất là quá trình ôn tập.
- d. Chủ thể không phải hoạt động tích cực để giữ gìn tài liệu cần nhớ.

Đáp án: b

Câu 153. Ghi nhớ không chủ định thường được thực hiện khi:

1. Nội dung tài liệu trở thành mục đích chính của hành động.
2. Hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần dưới hình thức nào đó.
3. Tài liệu đòi hỏi cá nhân phải ghi nhớ đầy đủ.
4. Những đối tượng gây ấn tượng xúc cảm mạnh đối với cá nhân.
5. Nội dung của tài liệu ngắn, dễ nhớ.

Phương án đúng là:

- a. 1, 4, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 2, 4
- d. 1, 2, 5

Đáp án: c

Câu 154. Những trường hợp nào dưới đây là ghi nhớ có ý nghĩa?

1. Người học dùng ngôn ngữ của mình để diễn đạt lại nội dung tài liệu cần ghi nhớ.
2. Người học sử dụng một số thủ thuật để ghi nhớ.
3. Người học xây dựng đề cương của tài liệu cần nhớ.
4. Người học hệ thống hoá kiến thức, nhờ vậy mà nhớ bài được dễ dàng.
5. Người học đọc đi, đọc lại tài liệu nhiều lần để nhớ.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 3
- b. 1, 2, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 2, 5

Đáp án: a

Câu 155. Biện pháp nào trong các biện pháp sau giúp người học giữ gìn tài liệu có hiệu quả?

1. Đọc đi đọc lại nhiều lần tài liệu cần nhớ.
2. Ôn tập một cách đều đặn và tích cực.
3. Lập đề cương của tài liệu học tập.
4. Tích cực tư duy khi ôn tập.
5. Ôn liên tục trong một thời gian dài.

Phương án đúng là:

- a. 2, 3, 4
- b. 1, 3, 5
- c. 1, 3, 4
- d. 1, 2, 3

Đáp án: a

Câu 156. “Đi truy về trao” là một biện pháp giúp người học:

- a. Ghi nhớ tốt.
- b. Giữ gìn tốt.
- c. Nhớ lại tốt.

d. Nhận lại tốt.

Đáp án: b

Câu 157. Mối quan hệ nào dưới đây giữa các quá trình cơ bản của trí nhớ (ghi lại, giữ gìn, nhận lại, nhớ lại, quên) phản ánh đúng bản chất của quá trình trí nhớ?

- a. Các quá trình trí nhớ diễn ra theo một trình tự xác định.
- b. Các quá trình trí nhớ diễn ra đan xen nhau.
- c. Các quá trình trí nhớ tác động theo một hướng nhất định.
- d. Các quá trình trí nhớ thâm nhập vào nhau, tác động ảnh hưởng lẫn nhau.

Đáp án: d

Câu 158. Quên hoàn toàn được xem là:

- 1. Dấu hiệu của trí nhớ kém.
- 2. Hiện tượng hợp lí và hữu ích.
- 3. Yếu tố quan trọng của một trí nhớ tốt.
- 4. Nguyên nhân gây nên hiệu quả thấp của trí nhớ.
- 5. Là cơ chế tất yếu trong hoạt động đúng đắn của trí nhớ.

Phương án đúng là:

- a. 1, 4, 5, 3, 4
- b. 2, 3, 5
- c. 2, 3, 5
- d. 1, 3, 5

Đáp án: c

Câu 159. Đặc điểm đặc trưng của xúc cảm là:

- 1. Luôn ở trạng thái hiện thực.

2. Có tính nhất thời, đa dạng, phụ thuộc vào tình huống.
3. Gắn liền với phản xạ có điều kiện, với động hình.
4. Là một thuộc tính tâm lý.
5. Có cả ở người và động vật.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 5
- b. 2, 3, 4
- c. 2, 4, 5
- d. 1, 3, 5

Đáp án: a

Câu 160. Hiện tượng nào dưới đây là sự thể hiện của xúc động?

- a. Mấy ngày nay, Nga như sống trong một thế giới khác, Nga thấy cái gì cũng đẹp, cũng đáng yêu.
- b. Trong lòng Na chợt xuất hiện nỗi buồn khó tả khi phải chia tay những người thân của mình.
- c. Nhận được giấy báo trúng tuyển đại học, Lan mừng đến mức không cảm được nước mắt.
- d. Mấy ngày nay Thảo luôn trăn trở về câu chuyện giữa cô và Nga, liệu bạn có thông cảm cho cô không?

Đáp án: c

Câu 161. Những đặc điểm đặc trưng của tình cảm là:

1. Là hiện tượng tâm lí mang tính chủ thể, có bản chất xã hội-lịch sử.
2. Phản ánh hiện thực khách quan dưới hình thức hình ảnh, biểu tượng, khái niệm.
3. Phản ánh mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng với nhu cầu và động cơ của cá nhân.

4. Phản ánh thế giới khách quan dưới hình thức những rung cảm, trải nghiệm.

5. Phản ánh quy luật vận động của tự nhiên và xã hội.

Phương án đúng là:

a. 1, 3, 5

b. 1, 3, 4

c. 1, 2, 5

d. 1, 4, 5

Đáp án: b

Câu 162. Hiện tượng tâm lý chi phối mọi biểu hiện của xu hướng, là mặt cốt lõi của tính cách, là điều kiện để hình thành năng lực là:

a. Xúc cảm.

b. Tình cảm.

c. Trí nhớ.

d. Tư duy.

Đáp án: b

Câu 163. Hiện tượng tâm lý nào dưới đây là sự thể hiện của tình cảm?

a. Trống trải.

b. Lo lắng.

c. Yêu thương.

d. Đau khổ.

Đáp án: c

Câu 164. “Chập chờn lúc tỉnh lúc mê, tôi thấp thỏm chỉ lo nhà tôi bị bắt. Liệu khi bị hành hạ, nhà tôi liệu có giữ được không? Nằm cứ tính toán quần quanh...”.

Đoạn trích trên là sự thể hiện của:

- a. Xúc động.
- b. Tâm trạng.
- c. Xúc cảm.
- d. Tình cảm.

Đáp án: b

Câu 165. “Điều trần trở lớn nhất trong lòng anh nho Sắc: biết mất nước mà không lo việc cứu nước là phạm điều bất trung. Nhưng khốn nỗi gánh gia đình của anh quá nặng. Mới 37 tuổi mà đã 3 con ...”

Đoạn trích trên phản ánh đặc điểm nào dưới đây của tình cảm?

- a. Tình cảm âm tính.
- b. Tình cảm dương tính.
- c. Tính tích cực.
- d. Tính tiêu cực.

Đáp án: a

Câu 166. Những hiện tượng nào dưới đây là sự thể hiện của tâm trạng?

- 1. Trầm uất.
- 2. Giận dữ.
- 3. Buồn rầu.
- 4. Khiếp sợ.
- 5. Trống trải.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 4

b. 1, 3, 5

c. 2, 3, 5

d. 2, 3, 4

Đáp án: b

Câu 167. Những biểu hiện nào dưới đây thuộc về tình cảm trí tuệ?

1. Ham hiểu biết.

2. Lòng trắc ẩn.

3. Sự mĩa mai.

4. Sự hoài nghi.

5. Ngạc nhiên.

Phương án đúng là:

a. 1, 4, 5

b. 2, 3, 5

c. 1, 3, 4

d. 2, 4, 5

Đáp án: a

Câu 168. Những biểu hiện nào dưới đây thuộc về tình cảm đạo đức?

1. Tính khôi hài.

2. Tình đồng chí.

3. Tình cảm nghĩa vụ.

4. Tình yêu nghệ thuật.

5. Tính ghen tị.

Phương án đúng là:

- a. 1, 3, 4
- b. 1, 4, 5
- c. 2, 3, 5
- d. 1, 3, 5

Đáp án: c

Câu 169. *“Yêu nhau yêu cả đường đi*

Ghét nhau ghét cả tông ty họ hàng”

Câu ca dao trên phản ánh quy luật nào dưới đây của tình cảm?

- a. Quy luật “tương phản”.
- b. Quy luật “lây lan”.
- c. Quy luật “thích ứng”.
- d. Quy luật “di chuyển”.

Đáp án: d

Câu 170. Quy luật lây lan của tình cảm được phản ánh trong câu tục ngữ:

- a. Giận cá chém thớt.
- b. Gần thường, xa thương.
- c. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén.
- d. Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

Đáp án: d

Câu 171. Ở vận động viên leo núi hay thám hiểm thường có tâm lý vừa lo âu vừa tự hào. Đó là sự thể hiện của quy luật:

- a. “Tương phản”
- b. “Pha trộn”

c. “Thích ứng”

d. “Di chuyển”

Đáp án: b

Câu 172. Câu tục ngữ “Dao nằng mài nằng sắc, người nằng chào nằng quen” phản ánh quy luật:

a. “Tương phản”

b. “Lây lan”

c. “Thích ứng”

d. “Hình thành tình cảm”

Đáp án: d

Câu 173. Biện pháp giáo dục “ôn nghèo nhớ khổ”, “ôn cố tri tân” xuất phát từ quy luật:

a. “Di chuyển”

b. “Pha trộn”

c. “Tương phản”

d. “Thích ứng”

Đáp án: c

Câu 174. Trong cuộc sống, cá nhân cần kiểm soát chặt chẽ thái độ xúc cảm của mình, làm cho nó mang tính có chọn lọc tích cực, tránh “vơ đũa cả nắm”, “giận cá chém thớt, cũng tránh tình cảm “tràn lan”, “không biên giới”. Đó là sự vận dụng quy luật:

a. “Tương phản”

b. “Pha trộn”

c. “Di chuyển”

d. “Thích ứng”

Đáp án: c

Câu 175. Là một hiện tượng tâm lí, ý chí phản ánh:

- a. Bản thân hành động.
- b. Phương thức hành động.
- c. Mục đích hành động.
- d. Năng lực hành động.

Đáp án: c

Câu 176. Giá trị chân chính của ý chí thể hiện ở:

- a. Nội dung đạo đức.
- b. Cường độ ý chí.
- c. Tính ý thức.
- d. Tính tự giác.

Đáp án: a

Câu 177. Hành động ý chí mang những đặc điểm:

1. Mới mẻ, khác thường.
2. Chính xác, hợp lý.
3. Có mục đích.
4. Có sự nỗ lực khắc phục khó khăn.
5. Có sự lựa chọn phương tiện và biện pháp hành động.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 4
- b. 2, 3, 5

c. 3, 4, 5

d. 2, 3, 4

Đáp án: c

Câu 178. Những đặc điểm đặc trưng của hành động kĩ xảo là:

1. Mang tính chất kĩ thuật thuần túy.
2. Luôn gắn với một tình huống xác định.
3. Được đánh giá về mặt kĩ thuật thao tác.
4. Có tính bền vững cao.
5. Được hình thành chủ yếu bằng luyện tập có mục đích, có hệ thống.

Phương án đúng là:

a. 2, 4, 5

b. 1, 3, 4

c. 1, 3, 5

d. 1, 2, 5

Đáp án: c

Câu 179. Một kĩ xảo đã hình thành, nếu không được luyện tập, củng cố, sử dụng thường xuyên sẽ bị suy yếu và mất đi. Đó là nội dung của quy luật:

- a. QL tiến bộ không đồng đều.
- b. QL “đỉnh” của phương pháp luyện tập.
- c. QL tác động qua lại giữa kĩ xảo cũ và kĩ xảo mới.
- d. QL dập tắt kĩ xảo.

Đáp án: d

Câu 180. Trong trong công tác giáo dục, để mang lại hiệu quả cao cần thường xuyên thay đổi phương pháp cho thích hợp. Biện pháp này xuất phát từ quy luật nào dưới đây của kỹ xảo?

- a. QL tiến bộ không đồng đều.
- b. QL “đỉnh” của phương pháp luyện tập.
- c. QL tác động qua lại giữa kỹ xảo cũ và kỹ xảo mới.
- d. QL dập tắt kỹ xảo.

Đáp án: b

Câu 181. Khi luyện tập kỹ xảo cần tính đến những kỹ xảo đã có ở người học là kết luận được rút ra từ quy luật:

- a. QL tiến bộ không đồng đều.
- b. QL “đỉnh” của phương pháp luyện tập.
- c. QL tác động qua lại giữa kỹ xảo cũ và kỹ xảo mới.
- d. QL dập tắt kỹ xảo.

Đáp án: c

Câu 182. Nguyên tắc “Văn ôn võ luyện” là sự vận dụng quy luật:

- a. QL tiến bộ không đồng đều.
- b. QL “đỉnh” của phương pháp luyện tập.
- c. QL tác động qua lại giữa kỹ xảo cũ và kỹ xảo mới.
- d. QL dập tắt kỹ xảo.

Đáp án: d

Câu 183. Khái niệm cá nhân trong tâm lí học được định nghĩa là:

- a. Một con người cụ thể với các đặc điểm sinh lí, tâm lí và xã hội riêng biệt tồn tại trong một cộng đồng, là thành viên của xã hội.

- b. Thành viên của một cộng đồng, một xã hội, vừa là một thực thể tự nhiên vừa là một thực thể xã hội.
- c. Thành viên của một xã hội nhất định, là chủ thể của các quan hệ người – người, của hoạt động có ý thức và giao tiếp.
- d. Một con người với những thuộc tính tâm lí tạo nên hoạt động và hành vi có ý nghĩa xã hội của họ.

Đáp án: a

Câu 184. Khái niệm nhân cách trong tâm lý học được định nghĩa là:

- a. Một cá nhân có ý thức, chiếm một vị trí nhất định trong xã hội và thực hiện một vai trò xã hội nhất định.
- b. Là một con người với tư cách là kẻ mang toàn bộ thuộc tính và phẩm chất tâm lý quy định hình thức hoạt động và hành vi có ý nghĩa xã hội.
- c. Một tổ hợp những đặc điểm, những thuộc tính tâm lý của cá nhân, biểu hiện bản sắc và giá trị xã hội của con người.
- d. Là một con người, với đầy đủ thuộc tính tâm lí do các mối quan hệ xã hội (gia đình, họ hàng, làng xóm) quy định.

Đáp án: c

Câu 185. “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có mà không có tài thì làm việc gì cũng khó” lời nhận định trên của Hồ Chủ Tịch phản ánh đặc điểm nào dưới đây của nhân cách?

- a. Tính thống nhất
- b. Tính ổn định
- c. Tính tích cực
- d. Tính giao lưu

Đáp án: a

Câu 186. Hãy xác định xem đặc điểm nào dưới đây là đặc trưng cho một nhân cách?

- a. Tốc độ phản ứng vận động cao.
- b. Nhịp độ hoạt động nhanh.
- c. Khiêm tốn, thật thà, ngay thẳng.
- d. Tốc độ hình thành kỹ xảo cao.

Đáp án: c

Câu 187. Hãy xác định xem những đặc điểm nào dưới đây là đặc trưng cho một cá thể?

- 1. Tận tâm.
- 2. Hay phản ứng.
- 3. Tốc độ phản ứng vận động cao.
- 4. Nhịp độ hoạt động nhanh.
- 5. Ít nhạy cảm với sự đánh giá của xã hội.

Phương án đúng là:

- a. 2, 4, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 2, 3, 4

Đáp án: d

Câu 188. Hệ thống những quan điểm về tự nhiên, xã hội và bản thân xác định phương châm hoạt động của con người được gọi là:

- a. Hứng thú
- b. Lý tưởng
- c. Niềm tin

d. Thế giới quan

Đáp án: d

Câu 189. Đặc điểm nổi bật của nhu cầu là:

- a. Hiểu biết về đối tượng
- b. Có tình cảm với đối tượng
- c. Luôn có đối tượng
- d. Phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng

Đáp án: c

Câu 190. Hiện tượng tâm lý nào dưới đây là biểu hiện tập trung nhất của xu hướng nhân cách?

- a. Nhu cầu
- b. Hứng thú
- c. Lý tưởng
- d. Niềm tin

Đáp án: c

Câu 191. Thành phần tạo nên hệ thống động cơ của nhân cách là:

- a. Xu hướng.
- b. Khí chất.
- c. Tính cách.
- d. Năng lực.

Đáp án: a

Câu 192. Biểu hiện đặc trưng cho xu hướng của nhân cách là:

- a. Cẩn thận.

- b. Có niềm tin.
- c. Khiêm tốn.
- d. Tính yêu cầu cao.

Đáp án: b

Câu 193. Khi giải bài tập, có những học sinh sau lần thất bại thứ nhất đã cố gắng giải nó lần thứ 2, thứ 3... Đó là sự biểu hiện của:

- a. Xu hướng.
- b. Tính cách.
- c. Năng lực.
- d. Khí chất.

Đáp án: b

Câu 194. Những nét tính cách thể hiện thái độ đối với người khác là:

1. Tính quảng giao.
2. Tinh thần trách nhiệm.
3. Lòng vị tha.
4. Tính khiêm tốn.
5. Tinh thần tập thể.

Phương án đúng là:

- a. 1, 2, 3
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 2, 4
- d. 1, 3, 5

Đáp án: d

Câu 195. Những nét tính cách thể hiện thái độ đối với lao động là:

1. Tính ích kỉ.
2. Tính lười biếng.
3. Tính sáng tạo.
4. Lòng trung thực.
5. Tính cẩn thận.

Phương án đúng là:

- a. 2, 3, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 2, 5

Đáp án: a

Câu 196. Những nét tính cách thể hiện thái độ đối với bản thân là:

1. Tính kín đáo.
2. Lòng trung thực.
3. Tính khiêm tốn.
4. Tính tự phê bình.
5. Tính tự trọng

Phương án đúng là:

- a. 1, 4, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 3, 4, 5
- d. 1, 2, 5

Đáp án: c

Câu 197. Hãy chỉ ra luận điểm nào dưới đây là đúng đắn hơn cả trong việc cắt nghĩa khái niệm tính cách:

- a. Những nét tính cách thể hiện cả thái độ và phương thức hành động bộc lộ hành vi tương ứng.
- b. Những nét tính cách thể hiện trong bất kỳ hoàn cảnh và điều kiện nào.
- c. Những nét tính cách chỉ thể hiện trong những hoàn cảnh điển hình với chúng mà thôi.
- d. Những nét tính cách không phải là cái gì khác ngoài thái độ của con người đối với các mặt xác định của hiện thực.

Đáp án: a

Câu 198. Hãy xác định xem tính cách của con người được thể hiện trong trường hợp nào dưới đây?

- a. Một người hay nổi nóng khi bị người khác phê bình.
- b. Một người luôn sôi nổi, nhiệt tình trong công việc.
- c. Một học sinh say mê lắp ráp đài bán dẫn, dành mọi thời gian rảnh rỗi cho công việc.
- d. Một học sinh chỉ nghe giảng chăm chú khi giáo viên thông báo một điều gì lí thú.

Đáp án: b

Câu 199. Những biểu hiện đặc trưng của khí chất là:

- 1. Khiêm tốn.
- 2. Nóng nảy.
- 3. Cẩn thận.
- 4. Nhút nhát.
- 5. Siêng năng.

Phương án đúng là:

- a. 1, 4, 5
- b. 2, 3, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 2, 5

Đáp án: b

Câu 200. Những đặc điểm đặc trưng cho kiểu khí chất “Hăng hái” là:

- 1. Tính tích cực cao.
- 2. Sức làm việc lâu bền.
- 3. Năng động, hoạt bát.
- 4. Vui vẻ, yêu đời.
- 5. Muốn thay đổi các ấn tượng thường xuyên.

Phương án đúng là:

- a. 2, 4, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 4, 5
- d. 3, 4, 5

Đáp án: b

Câu 201. Những đặc điểm nào dưới đây của hành vi là do kiểu khí chất quy định?

- 1. Một học sinh cực cần, hay cáu gắt, thiếu kiên nhẫn.
- 2. Một học sinh hoạt bát, vui nhộn, hăng hái trong công việc của tập thể.
- 3. Một học sinh học giỏi, luôn có yêu cầu cao với bản thân và rất tự tin.
- 4. Một học sinh luôn tỏ thái độ phê phán với những ai lảng tránh công việc của tập thể
- 5. Một học sinh sôi nổi, bông bột, muốn thay đổi các ấn tượng thường xuyên.

Phương án đúng là:

- a. 2, 4, 5
- b. 1, 2, 5
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 4, 5

Đáp án: b

Câu 202. Hãy chỉ ra những quan điểm đúng đắn về kiểu khí chất?

1. Khí chất là do kiểu hoạt động thần kinh quy định.
2. Khí chất của con người không thể thay đổi được.
3. Khí chất có thể thay đổi dưới ảnh hưởng của môi trường sống.
4. Không có kiểu khí chất nào là xấu hay tốt hoàn toàn.
5. Kiểu khí chất sôi nổi mang nhiều nhược điểm hơn các kiểu khí chất khác.

Phương án đúng là:

- a. 2, 3, 5
- b. 1, 3, 4
- c. 1, 4, 5
- d. 1, 2, 5

Đáp án: b

Câu 203. Tổ hợp các thuộc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả được gọi là:

- a. Xu hướng
- b. Tính cách
- c. Khí chất

d. Năng lực

Đáp án: d

Câu 204. Những trường hợp nào dưới đây nói về năng lực?

1. Sự hiểu biết rộng về một lĩnh vực nào đó.
2. Một người ghi nhớ nhanh chóng được hình dáng, màu sắc, độ lớn của sự vật.
3. Một người phân biệt rất giỏi các mùi và ghi nhớ chúng một cách chính xác.
4. Một học sinh kể lại rất hay câu chuyện mà mình đã được đọc.
5. Một học sinh rất say mê học môn toán.

Phương án đúng là:

- a. 2, 4, 5
- b. 2, 3, 4
- c. 1, 3, 5
- d. 1, 4, 5

Đáp án: b

Câu 205. Yếu tố nào dưới đây không thuộc về lí tưởng?

- a. Một hình ảnh tương đối mẫu mực, có tác dụng hấp dẫn, lôi cuốn con người vươn tới.
- b. Phản ánh đời sống hiện tại của cá nhân và xã hội.
- c. Hình ảnh tâm lí vừa có tính hiện thực vừa có tính lãng mạn.
- d. Có chức năng xác định mục tiêu, chiều hướng và động lực phát triển của nhân cách.

Đáp án: b

Câu 206. Yếu tố tâm lí nào dưới đây không thuộc xu hướng nhân cách?

- a. Hiểu biết.
- b. Nhu cầu.

- c. Hứng thú, niềm tin.
- d. Thế giới quan, lí tưởng sống.

Đáp án: a

Câu 207. Năng lực và tri thức, kĩ năng, kĩ xảo có mối quan hệ:

- a. Thống nhất với nhau.
- b. Đồng nhất với nhau.
- c. Có tri thức, kĩ năng kĩ xảo về một lĩnh vực nào đó là có năng lực về lĩnh vực đó.
- d. Tri thức, kĩ năng, kĩ xảo không liên quan gì với nhau.

Đáp án: a

Câu 208. Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách, giáo dục có vai trò:

- a. Chủ đạo.
- b. Quyết định trực tiếp.
- c. Nhân tố quan trọng.
- d. Nhân tố cơ bản.

Đáp án: a

Câu 209. Trong các đặc điểm sau đây của nhân cách, đặc điểm nào thể hiện thuộc tính của khí chất?

- a. Hồng là cô gái yêu đời, sôi nổi, tốt bụng nhưng rất dễ quên lời hứa với người khác.
- b. Mai hứng thú với nhiều thứ nhưng hứng thú của Mai thường không ổn định, chóng nguội đi.
- c. Mơ ước của Lan là sẽ trở thành cô giáo, nên em rất chịu khó sưu tập những câu chuyện về nghề Giáo viên.
- d. Nam hoạt động tích cực trong tập thể, nhất là những hoạt động công ích.

Đáp án: a

Câu 210. Luận điểm nào dưới đây không phản ánh đúng vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách?

- a. Giáo dục quyết định chiều hướng, con đường hình thành và phát triển nhân cách.
- b. Thông qua giáo dục, thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau các kinh nghiệm xã hội mà các thế hệ trước đã tích lũy được.
- c. Giáo dục vạch ra phương hướng và con đường cho sự phát triển nhân cách.
- d. Giáo dục có thể phát huy tối đa các tiềm năng của cá nhân và các yếu tố khách quan trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách.

Đáp án: a

Câu 211. Luận điểm nào dưới đây không phản ánh đúng vai trò quyết định trực tiếp của hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách?

- a. Thông qua hoạt động, con người tiếp thu nền văn hoá xã hội và biến chúng thành năng lực của riêng mình, đồng thời cũng thông qua hoạt động con người bộc lộ ra ngoài những năng lực đó.
- b. Hoạt động của con người là hoạt động có mục đích, mang tính xã hội, tính cộng đồng và được thực hiện bằng những công cụ do con người sáng tạo ra.
- c. Hoạt động của con người thường được diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và biến đổi vai trò của mình trong mỗi thời kì phát triển nhân cách cá nhân.
- d. Sự hình thành và phát triển nhân cách mỗi người phụ thuộc vào hoạt động chủ đạo của một giai đoạn phát triển.

Đáp án: b

Câu 212. Tập thể là:

- a. Một nhóm người bất kì.
- b. Một nhóm người có chung một sở thích.
- c. Một nhóm người có mục đích, hoạt động chung và phục tùng các mục đích xã hội.
- d. Một nhóm người có hứng thú và hoạt động chung.

Đáp án: c

Câu 213. Tác động của tập thể đến nhân cách thông qua:

- a. Hoạt động cùng nhau.
- b. Dư luận tập thể.
- c. Truyền thống tập thể và bầu không khí tập thể.
- d. Cả A, B và C.

Đáp án: d

Câu 214. Yếu tố đóng vai quyết định đối với sự hình thành năng lực là:

- a. Tư chất
- b. Tri thức, kĩ năng, kĩ xảo
- c. Khuynh hướng cá nhân
- d. Tính tích cực hoạt động của cá nhân

Đáp án: b

Câu 215. Một con người sinh động, hoạt bát, muốn thay đổi các ấn tượng thường xuyên, dễ dàng thích ứng với những điều kiện thay đổi của cuộc sống. Đó là người thuộc khí chất:

- a. Hăng hái
- b. Bình thản
- c. Nóng nảy
- d. Ưu tư

Đáp án: a

Câu 216. Yếu tố giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự hình thành, phát triển nhân cách là:

- a. Giáo dục

- b. Hoạt động cá nhân
- c. Tác động của môi trường sống
- d. Sự gương mẫu của người lớn

Đáp án: b

Câu 217. Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách, tập thể là nhân tố đóng vai trò:

- a. Môi trường thuận lợi cho sự phát triển
- b. Quyết định trực tiếp sự phát triển
- c. Tiền đề, điều kiện của sự phát triển
- d. Chi phối trực tiếp sự phát triển

Đáp án: a

Câu 218. những đặc điểm cơ bản của nhân cách là:

- a. Tính thống nhất và tính ổn định của nhân cách.
- b. Tính ổn định của nhân cách.
- c. Tính tích cực và tính giao tiếp của nhân cách.
- d. Cả a, b và c.

Đáp án: d

Câu 219. Yếu tố được coi là nhu cầu xã hội cơ bản, xuất hiện sớm nhất ở con người, có vai trò quyết định đến sự hình thành nhân cách con người là:

- a. Giáo dục
- b. Hoạt động
- c. Giao tiếp
- d. Tập thể

Đáp án: c

Câu 220. Thuộc tính tâm lý là:

- a. Quá trình tâm lý diễn ra thường xuyên trong đời sống.
- b. Quá trình hình thành từ trạng thái tâm lý.
- c. Trạng thái tâm lý lập đi lập lại trong đời sống.
- d. Quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý, nét tâm lý thường xuyên lập đi lập lại trở thành đặc điểm tâm lý bền vững của nhân cách.

Đáp án: d

Câu 221. Quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý là:

- a. Quá trình tâm lý là nguồn gốc của đời sống tâm lý.
- b. Quá trình tâm lý là cái nền của tâm lý.
- c. Quá trình tâm lý là quá trình nhận thức.
- d. Quá trình tâm lý là quá trình cảm xúc ý chí .

Đáp án: a

Câu 222. Hãy ghép các thuộc tính của chú ý (cột A) với các hiện tượng thể hiện nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Sức tập trung chú ý	a. An mãi mê đọc truyện nên không nghe thấy mọi người đang gọi mình.
2. Sự phân phối chú ý	b. Vừa học giờ Thể dục xong nên một số học sinh vẫn chưa tập trung vào học Toán ngay được.
3. Độ bền vững của chú ý	c. Ngồi trong lớp học nhưng tâm trí của Mai vẫn đang còn nghĩ về vấn đề buổi sinh nhật hôm qua.
4. Sự di chuyển chú ý	d. Cứ vào phút cuối của giờ học, Nhưng lại mệt mỏi

không tập trung nghe cô giáo giảng được nữa.

e. Minh có khả năng vừa vẽ tranh vừa hát mà vẫn nghe và đáp lại những câu pha trò của bạn.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - a, 2 - e, 3 - d, 4 - b

Câu 223. Sự nảy sinh và phát triển tâm lí gắn liền với sự sống. Thế giới sinh vật có đặc trưng là tính chịu kích thích. Tính chịu kích thích là ...(1)... của ngoại giới, có ảnh hưởng trực tiếp tới ...(2)... của cơ thể. Tính chịu kích thích là ..(3).. của sự nảy sinh phản ánh tâm lí .

- a. Sự tác động
- b. Tồn tại và phát triển
- c. Khả năng đáp lại các tác động
- d. Sự vận động
- e. Cơ sở
- f. Hoạt động

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - c, 2 - b, 3 - e

Câu 224. Tính chịu kích thích phát triển lên một giai đoạn cao hơn, đó là ...(1)... Tính cảm ứng là ..(2)... ngoại giới có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của cơ thể. Tính cảm ứng được coi là ...(3)... đầu tiên của hiện tượng tâm lí.

- a. Tính chịu kích thích
- b. Năng lực đáp lại các kích thích
- c. Tính cảm ứng
- d. Mềm mỏng

e. Động vật

f. Biểu hiện

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - c, 2 - b, 3 - d

Câu 225. Thời kì cảm giác là thời kì đầu của sự... (1)... với đặc trưng là cơ thể có (2)... từng ...(3)... Cảm giác bắt đầu xuất hiện ở động vật có xương sống.

a. Kích thích riêng lẻ

b. Phản ánh tâm lí

c. Khả năng đáp ứng lại

d. Không xương sống

e. Phát triển tâm lí

f. Chịu sự tác động

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b, 2 - c, 3 - a

Câu 226. Trong lịch sử tiến hoá, bản năng bắt đầu có từ loài côn trùng. Bản năng là ...(1)..., có cơ chế phản xạ (2)... Như vậy, bản năng xuất phát trực tiếp từ ...(3)... của cá thể.

a. Hành vi tự tạo của cá thể

b. Có điều kiện

c. Không điều kiện

d. Hành vi bẩm sinh

e. Khả năng đáp ứng

f. Cơ thể và nhu cầu cơ thể

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d, 2 - c, 3 – f

Câu 227. Một quá trình...(1)... nào đó tạo ra trong não một hình ảnh tâm lí. Nhờ...(2)... hình ảnh tâm lí đó được phản ánh lại. Quá trình phản ánh cấp 2 như vậy gọi là ý thức. Vì thế có thể gọi ý thức là ...(3)....

- a. Tác động
- b. Phản ánh của phản ánh
- c. Hành động
- d. Phản ánh tâm lí
- e. Ngôn ngữ
- f. Nhận thức

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a, 2 - e, 3 – b

Câu 228. Ý thức là một chỉnh thể mang lại chất lượng mới trong phản ánh tâm lí của con người. Nó bao gồm ba thành phần (3 mặt) liên kết, thống nhất với nhau: mặt ...(1).., mặt ...(2).., mặt ...(3)....

- a. Hành động
- b. Thái độ
- c. Tình cảm
- d. Nhận thức
- e. Năng động
- f. Động cơ

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d, 2 - b, 3 – e

Câu 229. Về phương diện phát triển loài, mầm mống đầu tiên của tâm lí là tính... (1)... của sinh vật. Theo mức độ phản ánh, tâm lí đã phát triển qua các thời kì ...(2)... Chỉ ở người mới có hình thức phản ánh tâm lí cao nhất là ...(3)...

- a. Tư duy
- b. Ý thức
- c. Cảm giác, tri giác, tư duy
- d. Chịu kích thích
- e. Cảm ứng
- f. Phản ứng

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d, 2 - c, 3 - b

Câu 230. Nhân tố quyết định tạo nên ý thức con người là... (1). Ý thức có cấu trúc gồm ba mặt: mặt nhận thức, mặt...(2), mặt năng động. Những hiện tượng tâm lí mà ở đó ý thức chưa thực hiện được chức năng của mình gọi là ... (3)...

- a. Hoạt động
- b. Ngôn ngữ
- c. Vô thức
- d. Lao động, ngôn ngữ
- e. Thái độ
- f. Tiền ý thức

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b, 2 - e, 3 - c

Câu 231. Đặc điểm đặc trưng cho mức độ nhận thức cảm tính là:

1. Phản ánh hiện thực khách quan một cách trực tiếp.

2. Phản ánh cái đã qua, đã có trong kinh nghiệm của cá nhân
3. Phản ánh những thuộc tính bên ngoài, trực quan của sự vật hiện tượng.
4. Phản ánh khái quát các sự vật hiện tượng cùng loại.
5. Phản ánh từng sự vật, hiện tượng cụ thể.

Phương án đúng:

a: 1, 2, 3.

b: 1, 3, 5.

c: 2, 3, 5.

d: 1, 3, 4.

Đáp án: b

Câu 232. Đặc điểm đặc trưng của cảm giác là:

1. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới.
2. Nguồn khởi đầu của mọi nhận biết về thế giới.
3. Kết quả của sự phối hợp hoạt động của các cơ quan phân tích.
4. Sự phản ánh các thuộc tính riêng lẻ của sự vật, hiện tượng.
5. Là mức độ cao của nhận thức cảm tính.

Phương án đúng:

a: 1, 2, 4.

b: 3, 4, 5.

c: 1, 2, 3.

d: 1, 3, 5.

Đáp án: a

Câu 233. Hãy ghép các quy luật cảm giác (cột A) với các hiện tượng biểu hiện của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Quy luật thích ứng	a. Sau khi đã đứng lên xe buýt một lúc thì cảm giác khó chịu về mùi mồ hôi nồng nặc mất đi, còn người vừa mới lên thì lại thấy rất khó chịu về mùi đó.
2. Quy luật ngưỡng cảm giác	b. Một nồi canh nấu cho ba người ăn, vậy mà người thứ nhất cho rằng canh nhạt, người thứ hai thấy canh mặn, người thứ ba thấy vừa phải.
3. Quy luật tác động qua lại giữa các cảm giác	c. Tay người mẹ vừa giặt xong trong nước lạnh, sờ tay lên trán con tưởng con bị sốt, nhưng khi cặp nhiệt độ thì không phải.
4. Quy luật tương phản	d. Cô giáo thường sử dụng bút màu đỏ để chấm bài. e. Mùi cơm mới đưa lên mũi làm tôi cảm thấy đói hơn.

Phương án đúng: 1 -; 2 -; 3 -; 4-

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - e; 4 - c.

Câu 234. Hãy ghép các quy luật tri giác (cột A) với các hiện tượng biểu hiện của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tính ý nghĩa	a. Người học ở những vị trí khác nhau trong lớp, mặc dù hình ảnh cái bảng trong võng mạc mắt của họ là khác nhau (hình bình hành, chữ nhật...) nhưng họ vẫn nhìn thấy được cái bảng là hình chữ nhật.
2. Ảo giác	
3. Tính ổn định	

4. Tổng giác

- b. Khi tham quan trong hang động, cùng ngắm một hòn đá, Thanh bảo "giống cặp sừng hươu", còn Vân lại nói "giống chiếc bình hoa".
- c. Khi ngồi trên xe ô tô đang chạy, ta cảm thấy như các vật phía trước tiến nhanh lại phía mình và phình to ra.
- d. Trong lòng đang buồn bực, Thanh thấy mọi thứ đều trở nên khó chịu, kể cả bản nhạc du dương mà cô vốn rất yêu thích đang phát ra từ radio.
- e. Giáo viên dùng mực đỏ để chấm bài.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -; 4 -

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - a; 4 - d

Câu 235. Hãy ghép các loại tưởng tượng (cột A) với các biểu hiện tương ứng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tưởng tượng tái tạo	a. Người học hình dung ra miền đất xa xôi vùng Nam Mỹ qua lời giảng của cô giáo trong giờ Địa lí.
2. Tưởng tượng sáng tạo	b. Hoa là sinh viên Mỹ thuật, cô đang thể hiện khung cảnh xây dựng trường trong bản vẽ của mình.
3. Lí tưởng	c. "Nó suốt ngày vui đầu vào tiểu thuyết, chẳng chịu học hành, ăn uống gì. Nó mơ ước gặp được hoàng tử của đời mình: khoẻ mạnh, khôi ngô, vừa hào hoa, phong nhã, chu đáo nhưng cũng rất ga lăng, thành công trong hoạt động xã hội nhưng cũng rất chăm lo công việc gia đình".
4. Tưởng tượng tiêu cực	d. Hình ảnh người Thầy mẫu mực hết lòng vì học sinh, đã giúp bao em qua khỏi thất học, uơm mầm những ước mơ. Bao lớp người học đã trưởng thành vẫn giữ nguyên trong

lòng kính trọng Thầy... Hình ảnh đó luôn thôi thúc cô sinh viên Cẩm Nhung phấn đấu hơn nữa trong học tập và rèn luyện.

e. Đã gấp cuốn sách lại, nhưng câu chuyện trong đó vẫn ám ảnh cô, cô như nhìn thấy một cô gái đẹp lạ lùng đang ngủ trong rừng.

Phương án đúng: 1 -; 2 -; 3 -; 4-

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - d; 4 – c

Câu 236. Hãy ghép các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng (cột A) với các biểu hiện tương ứng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Chắp ghép	a. Người khổng lồ trong chuyện cổ tích
2. Loại suy	b. Bất chước cơ chế chìm nổi của loài cá, các nhà khoa học đã sáng chế ra tàu ngầm.
3. Diễn hình hoá	c. Hình ảnh "Chị Dậu" (trong tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố) là người phụ nữ tiêu biểu nhất cho những người phụ nữ nông dân nghèo dưới chế độ phong kiến thực dân.
4. Nhấn mạnh chi tiết sự vật	d. Báo "Hoa học trò" có bức tranh biếm hoạ về cậu học trò đang trả lời câu hỏi kiểm tra bài cũ của cô giáo: Cậu có một chiếc tai bình thường hướng về phía cô và một chiếc tai to hướng về phía lớp để nghe các bạn nhắc bài.
	e. Trong truyện phim "Tây du kí", Ngưu Ma Vương có cái đầu trâu trên thân hình người trông rất dữ tợn.

Phương án đúng: 1 -; 2 -; 3 -; 4-

Đáp án: 1 - e; 2 - b; 3 - c; 4 – d

Câu 237. Hãy ghép các giai đoạn của hành động tư duy (cột A) với các biểu hiện tương ứng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Xác định và biểu đạt vấn đề	a. Xem xét sự đúng đắn của các giả thuyết (tiến hành trong đầu hay trong thực tiễn) để khẳng định giả thuyết (hay phủ định giả thuyết).
2. Xuất hiện các liên tưởng	b. Xác định được nhiệm vụ tư duy.
3. Sàng lọc liên tưởng, hình thành giả thuyết	c. Huy động những tri thức kinh nghiệm liên quan đến nhiệm vụ tư duy.
4. Kiểm tra giả thuyết	d. Gạt bỏ những tri thức, liên tưởng không phù hợp với nhiệm vụ tư duy đã xác định.
	e. Đưa ra phương án trả lời đúng.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -; 4-

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - d; 4 – a

Câu 238. Hãy ghép các hiện tượng tâm lí (cột A) với đối tượng phản ánh của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Nhận thức cảm tính	a. Kinh nghiệm của cá nhân.
2. Nhận thức lí tính	b. Những thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng.
3. Cảm xúc	c. Mục đích của hành động do điều kiện khách quan quy định.
4. Trí nhớ	d. Ý nghĩa của sự vật, hiện tượng trong quan hệ với nhu cầu, động cơ của con người.
	e. Những thuộc tính bản chất và những mối liên hệ mang tính quy luật của sự vật, hiện tượng.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -; 4-

Đáp án: 1 - b; 2 - e; 3 - d; 4 – a

Câu 239. Hãy ghép các loại ghi nhớ (cột A) với các biểu hiện tương ứng của chúng (cột B).

Cột A	Cột B
1. Ghi nhớ không chủ định	a. Nhớ dựa trên hình thức liên hệ bên ngoài mà không hiểu nội dung.
2. Ghi nhớ có chủ định	b. Ghi nhớ tự nhiên, không đặt ra mục đích ghi nhớ.
3. Ghi nhớ máy móc	c. Ghi nhớ dựa trên hiểu nội dung và mối liên hệ logic giữa các phần của tài liệu.
4. Ghi nhớ ý nghĩa	d. Ghi nhớ theo mục đích đặt ra từ trước.
	e. Ghi nhớ dựa trên cả mối liên hệ bên ngoài lẫn mối liên hệ logic bên trong tài liệu.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -; 4-

Đáp án: 1 - b; 2 - d; 3 - a; 4 - c

Câu 240. Hãy ghép các quá trình trí nhớ (cột A) với các biểu hiện của chúng (cột B).

Cột A	Cột B
1. Nhận lại	a. Không nhớ lại nhưng nhận lại được.
2. Nhớ lại	b. Không nhớ lại lúc cần thiết nhưng một lúc nào đó đột nhiên nhớ lại.
3. Quên hoàn toàn	c. Tái hiện được tài liệu đã ghi nhớ trong điều kiện tri giác lại.
4. Quên cục bộ	d. Không nhớ lại cũng không nhận lại được.

e. Tái hiện lại tài liệu ghi nhớ mà không cần tri giác lại tài liệu.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -; 4-

Đáp án: 1 - c; 2 - e; 3 - d; 4 - a

Câu 241. Nhận thức là hoạt động đặc trưng của con người. Mức độ thấp của nhận thức là ...(1)... bao gồm...(2)..., trong đó con người phản ánh những thuộc tính ...(3)... của sự vật đang trực tiếp tác động vào giác quan.

- a. Nhận thức sơ cấp
- b. Nhận thức cảm tính
- c. Nhận thức lí tính
- d. Cảm giác và tri giác
- e. Tri giác
- f. Bên ngoài

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - d; 3 – f

Câu 242. Tri giác và cảm giác đều là nhận thức cảm tính. Vì chúng đều phản ánh cái...(1), nhưng tri giác là mức độ nhận thức ...(2).. cảm giác. Tri giác phản ánh ...(3) các thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng khi chúng tác động trực tiếp vào giác quan.

- a. Bên ngoài
- b. Lí tính hơn
- c. Cao hơn
- d. Đúng hơn
- e. Trọn vẹn

f. Chi tiết

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - c; 3 - e

Câu 243. Cảm giác phản ánh các thuộc tính ...(1) của sự vật thông qua hoạt động của từng giác quan. Do vậy, cảm giác chưa phản ánh được ...(2) sự vật. Cảm giác là mức độ định hướng ...(3) trong nhận thức của con người.

a. Bên ngoài

b. Đầu tiên

c. Trọn vẹn

d. Cụ thể

e. Rõ ràng

f. Chi tiết

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - c; 3 - b

Câu 244. Cảm giác có ba ngưỡng: ngưỡng cảm giác trên, ngưỡng cảm giác dưới và ngưỡng sai biệt. Ngưỡng cảm giác trên là... (1) mà ở đó vẫn còn cảm giác, ngưỡng cảm giác dưới là ...(2) đủ để gây ra cảm giác. Ngưỡng sai biệt là...(3). về cường độ và tính chất của hai kích thích gây cảm giác.

a. Cường độ và tính chất kích thích tối thiểu

b. Cường độ kích thích tối đa

c. Mức độ chênh lệch tối thiểu

d. Mức độ chênh lệch tối đa

e. Cường độ và tính chất kích thích tối đa

f. Cường độ kích thích tối thiểu

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - f; 3 - c

Câu 245. Tính đối tượng của tri giác thể hiện ở chỗ tri giác đem lại hình ảnh trọn vẹn về sự vật nhất định. Hình ảnh ấy một mặt phản ánh ...(1) của đối tượng, mặt khác nó là ...(2) về đối tượng. Vì vậy, khi tri giác một vật, cá nhân phải sử dụng ...(3) các cơ quan phân tích và kinh nghiệm đã có về vật đang tri giác.

- a. Bản chất
- b. Tính chủ quan
- c. Đặc điểm bên ngoài
- d. Hình ảnh chủ quan
- e. Tổ hợp
- f. Tổng số

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - c; 2 - d; 3 - e

Câu 246. Tri giác của cá nhân không thể đồng thời phản ánh tất cả các sự vật đang trực tiếp tác động, mà chỉ ...(1)... một số tác động trong đó để phản ánh. Đặc điểm này nói lên...(2)... của tri giác. Vì vậy, khi trình bày bảng, giáo viên cần tạo ra ...(3)... của các kiểu chữ.

- a. Tách ra
- b. Tính chủ quan
- c. Tính lựa chọn
- d. Tính ý nghĩa
- e. Sự đồng nhất
- f. Sự tương phản

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3.....

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - f

Câu 247. Khả năng phản ánh sự vật...(1)... khi điều kiện tri giác vật đó thay đổi. Khả năng này nói lên(2...) của tri giác. Có được khả năng này là do trong quá trình tri giác có sự tham gia của yếu tố ...(3)... của cá nhân.

- a. Thay đổi
- b. Không thay đổi
- c. Tính ổn định
- d. Tính trọn vẹn
- e. Kinh nghiệm
- f. Chú ý

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - e

Câu 248. Tư duy là một ...(1) phản ánh những ...(2), những mối liên hệ và quan hệ ...(3) của sự vật và hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó ta chưa biết.

- a. Quá trình tâm lí
- b. Thuộc tính của sự vật
- c. Hiện tượng tâm lí
- d. Bên trong
- e. Bên trong có tính quy luật
- f. Thuộc tính bản chất

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - f; 3 - e

Câu 249. Tư duy chỉ xuất hiện khi gặp tình huống "có vấn đề". Tức là tình huống chứa đựng mâu thuẫn giữa một bên là ...(1) với một bên là ...(2). Muốn giải quyết mâu thuẫn đó,

con người phải tìm cách thức mới. Tức là con người phải tư duy. Tuy nhiên, để tình huống trở thành có vấn đề, con người phải ý thức được mâu thuẫn cần giải quyết và phải có ...(3).

- a. Nhu cầu giải quyết
- b. Điều kiện và khả năng đã có.
- c. Tri thức, phương pháp cũ
- d. Khả năng giải quyết
- e. Nhiệm vụ giải quyết
- f. Điều kiện phù hợp

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - e; 2 - c; 3 - a

Câu 250. Ở mức nhận thức cảm tính, con người phản ánh ...(1) sự vật. Đến tư duy, con người phản ánh ...(2) sự vật. Điều này được thể hiện trước hết ở việc con người sử dụng ...(3) để tư duy

- a. Cụ thể
- b. Trọn vẹn
- c. Gián tiếp
- d. Ngôn ngữ
- e. Trực tiếp
- f. Kinh nghiệm

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - e; 2 - c; 3 - d

Câu 251. Quá trình tư duy được bắt đầu từ ...(1), tiếp đến làm ...(2), sau đó sàng lọc liên tưởng và hình thành giả thuyết. Khâu tiếp theo là ...(3), từ đây có ba khả năng: nếu giả thuyết đúng thì khẳng định và vấn đề đã được giải quyết; nếu giả thuyết sai thì phủ định từ đó tiến hành hành động tư duy mới, nếu giả thuyết chưa chính xác thì chính xác hoá lại.

- a. Tình huống có vấn đề
- b. Nhận thức vấn đề
- c. Xuất hiện các liên tưởng
- d. Xuất hiện giả thuyết
- e. Kiểm tra giả thuyết
- f. Kiểm tra kết quả

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - e

Câu 252. Quá trình nhận thức của con người có hai mức độ: mức độ thấp là ...(1). Mức độ cao là ...(2). Mức độ thấp bao gồm hai quá trình nhận thức là ...(3).

- a. Nhận thức cảm tính
- b. Nhận thức lí tính
- c. Cảm giác và tri giác
- d. Tưởng tượng và trí nhớ
- e. Hiện tượng tâm lí đơn giản
- f. Hiện tượng tâm lí phức tạp

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - c.

Câu 253. Cảm giác ở mỗi người là khác nhau, nhưng ở tất cả mọi người, cảm giác đều diễn ra theo ...(1) chung. Khi hai cảm giác cùng loại (nảy sinh ở cùng một cơ quan phân tích) nảy sinh đồng thời hay nối tiếp, tác động làm thay đổi độ nhạy cảm của nhau. Hiện tượng đó được gọi là ...(2). Khả năng thay đổi độ nhạy cảm của cảm giác cho phù hợp với sự thay đổi của cường độ kích thích là quy luật ...(3) của cảm giác.

- a. Quy luật

- b. Sự tác động qua lại
- c. Tương phản
- d. Cảm ứng
- e. Di chuyển
- f. Thích ứng

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - c; 3 - f

Câu 254. Khái quát hoá là quá trình dùng trí óc để ..(1) nhiều đối tượng khác nhau thành một nhóm, một loại các sự vật, theo những thuộc tính, những mối liên hệ ...(2). Những thuộc tính này là những thuộc tính ...(3) của sự vật.

- a. Bao quát
- b. Cửa các sự vật
- c. Chung.
- d. Chung của các sự vật
- e. Bản chất
- f. Chung, bản chất

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - d; 3 - f

Câu 255. Khái niệm tư duy, tưởng tượng có thể thay thế bằng khái niệm có nội hàm rộng hơn là ...(1). Chúng đều phản ánh ...(2) sự vật, hiện tượng và đều đem lại ...(3) cho cá nhân.

- a. Quá trình nhận thức
- b. Hiệu quả cao
- c. Tri thức mới

d. Khái quát, gián tiếp

e. Kinh nghiệm

f. Nhận thức lí tính

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - f; 2 - d ; 3 - c

Câu 256. Tưởng tượng là ...(1) phản ánh ...(2) trong kinh nghiệm của cá nhân bằng cách xây dựng...(3) trên cơ sở những biểu tượng đã có.

a. Quá trình tâm lí

b. Quá trình nhận thức

c. Những cái đã có

d. Những cái chưa có

e. Hình ảnh mới

f. Biểu tượng mới

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - d; 3 - e

Câu 257. Tưởng tượng chỉ nảy sinh từ ...(1) và nó nhận thức được thực hiện chủ yếu bằng ...(2). Biểu tượng của tưởng tượng được xây dựng từ biểu tượng của trí nhớ; nó là biểu tượng của biểu tượng. Tưởng tượng liên hệ chặt chẽ với nhận thức ...(3).

a. Cảm tính

b. Khái niệm

c. Ngôn ngữ

d. Hình ảnh

e. Tình huống có vấn đề

f. Lí tính

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - e; 2 - d; 3 - a

Câu 258. Con người có thể tạo ra hình tượng người khổng lồ bằng cách ...(1), tạo ra tranh biếm họa bằng cách ..(2), tạo ra hình ảnh nàng tiên cá bằng sự chấp ghép; tạo ra cái xe điện bánh hơi bằng sự liên hợp giữa ô tô với tàu điện, còn tạo ra "Chị Dậu" bằng cách ...(3).

- a. Thay đổi kích thước
- b. Nhấn mạnh một bộ phận
- c. Trừu tượng hoá
- d. Khái quát hoá
- e. Loại suy
- f. Diễn hình hoá

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - f

Câu 259. Tư duy và tưởng tượng đều phản ánh ...(1) đối với cá nhân một cách gián tiếp, song theo hai chiến lược khác nhau. Tưởng tượng phản ánh bằng ...(2), còn tư duy phản ánh bằng ...(3). Hai cách này liên quan chặt chẽ với nhau và bổ sung cho nhau.

- a. Cái chung của sự vật
- b. Hình thành khái niệm
- c. Xây dựng hình ảnh
- d. Cái mới
- e. Ngôn ngữ
- f. Kinh nghiệm

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d; 2 - c; 3 - b

Câu 260. Hãy ghép các loại tình cảm (cột A) với nội dung tương ứng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tình cảm đạo đức	a. Thể hiện thái độ của con người đối với sự khám phá thế giới: lòng ham hiểu biết, óc hoài nghi khoa học v.v...
2. Tình cảm trí tuệ	b. Thể hiện thái độ của con người đối với những vấn đề về nhân sinh quan, thế giới quan.
3. Tình cảm thẩm mỹ	c. Phản ánh thái độ rung cảm đối với các sự vật thoả mãn nhu cầu của con người.
4. Tình cảm mang tính chất thế giới quan	d. Thể hiện thái độ rung cảm của con người đối với cái đẹp, cái hoàn thiện. e. Phản ánh thái độ của con người đối với các chuẩn mực đạo đức xã hội (tình mẹ con, bầu bạn v.v...).

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - e; 2 - a; 3 - d; 4 - b

Câu 261. Hãy ghép các quy luật tình cảm (cột A) với các biểu hiện tương ứng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Quy luật "thích ứng"	a. "Giận cá chém thớt".
2. Quy luật "di chuyển"	b. "Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ".
3. Quy luật "lây lan"	c. "Nắng mưa thì giếng nắng đầy. Anh nắng đi lại mẹ thầy nắng thương".
4. Quy luật "hình thành" tình cảm	d. Nổi uất hận bị kìm kẹp, nén chặt bao năm đã làm "nổ tung" ra niềm vui sướng của ngày được giải

phóng.

e. Trung bình mỗi ngày hai trận đòn, nó đã trở nên "chai sạn" không còn sợ bố nó nữa.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - e; 2 - a; 3 - b; 4 - c

Câu 262. Hãy ghép các phẩm chất của ý chí (cột A) với các biểu hiện của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tính mục đích	a. Bất kì công việc gì Hương cũng làm đến cùng, dù công việc khó đến mấy, chưa bao giờ Hương bỏ giữa chừng.
2. Tính độc lập	b. Mặc dù không phải là người rất thông minh, khoẻ mạnh, nhưng trong mọi việc Hương đều biết tự mình tổ chức hành động hợp lí và biết lắng nghe ý kiến của người khác.
3. Tính quyết đoán	c. Lúc làm bài cũng như trong những việc khác, Hương thường đưa ra các quyết định kịp thời, dứt khoát trên cơ sở cân nhắc kĩ lưỡng, với một niềm tin mãnh liệt vào bản thân.
4. Tính kiên trì.	d. Phương châm của Hương là không sử dụng thời gian vô ý thức. Trước khi tiến hành việc nào đó Hương thường hỏi làm việc này nhằm đạt tới cái gì?
	e. Khi tiến hành công việc, Hương có thói quen chuẩn bị rất kĩ những điều kiện cần thiết.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - d; 2 - b; 3 - c; 4 - a

Câu 263. Hãy ghép các hành động (cột A) với các sự kiện thể hiện nó (cột B)

Cột A

Cột B

- | | |
|---|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ xảo 2. Thói quen 3. Vô thức 4. Ý chí | <ol style="list-style-type: none"> a. Đã trở thành quy luật, các ngày trong một tuần của Mai là đi học, còn các ngày nghỉ thường được mẹ cho đi chơi công viên hay xem xiếc. b. Mai đã hứa với mẹ là học thật giỏi để mẹ vui. Vì vậy, dù bài tập khó đến mấy em cũng cố gắng làm xong mới đi ngủ. c. Các buổi tối, sau khi học xong bài, Mai đều chuẩn bị đầy đủ sách vở và các thứ cần thiết cho buổi học hôm sau. Vì vậy chưa bao giờ Mai bị quên sách hay vở. d. Hôm nay đi xem xiếc về Mai vô cùng thán phục các động tác rất tinh xảo của người nghệ sĩ. e. Đang mãi "nghĩ" đến tiết mục tung hứng đầy hấp dẫn của cô nghệ sĩ xiếc. Mai để tuột cái bát khỏi tay, làm nó vỡ tan. Em rất ân hận vì việc này |
|---|--|

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - d; 2 - a; 3 - e; 4 - b

Câu 264. Hãy ghép các quy luật hình thành kỹ xảo (cột A) với các nội dung thể hiện nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Quy luật về sự tiến bộ không đều	a. Có kỹ xảo khi mới luyện tập tiến bộ nhanh sau đó chậm dần, có kỹ xảo ngược lại, lúc mới luyện tập tiến bộ chậm, sau đó nhanh.
2. Quy luật "đỉnh" của phương pháp luyện tập	b. Mỗi phương pháp luyện tập đạt đến kết quả cao nhất, sau đó cho kết quả thấp. Muốn có kết quả cao hơn nữa phải thay phương pháp luyện tập mới.
3. Quy luật tác động qua lại giữa các kỹ xảo	c. Mỗi kỹ xảo được hình thành đều do luyện tập một cách có mục đích, có hệ thống, đến mức hoàn thiện.
4. Quy luật dập tắt kỹ xảo	d. Người đã biết tiếng Pháp sẽ dễ hơn khi học tiếng Anh.

e. Người biết thông thạo tiếng Anh, nếu không thường xuyên sử dụng thì sẽ quên dần.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - d; 4 - e

Câu 265. Tình cảm là những ...(1) thể hiện ...(2) của con người đối với những sự vật, hiện tượng, phản ánh ...(3) của những sự vật, hiện tượng có liên quan tới nhu cầu và động cơ của cá nhân.

- a. Thái độ
- b. Kinh nghiệm
- c. Tri thức
- d. Rung cảm
- e. Tác động
- f. Ý nghĩa

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d; 2 - a; 3 - f

Câu 266. Giữa nhận thức và tình cảm có nhiều điểm giống nhau, chẳng hạn, cùng có ...(1) nhưng nhận thức và tình cảm có nhiều điểm khác nhau về ...(2), phạm vi và ...(3) phản ánh.

- a. Bản chất xã hội
- b. Nội dung
- c. Tri thức
- d. Rung cảm
- e. Phương thức
- f. Ý nghĩa

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - a; 2 - b; 3 - e

Câu 267. Tình cảm có hai loại: cấp thấp và cấp cao. Tình cảm cấp cao bao gồm tình cảm đạo đức, liên quan tới việc thoả mãn ...(1)... Tình cảm trí tuệ, liên quan tới ...(2)... Tình cảm thẩm mỹ liên quan tới nhu cầu về cái đẹp. Tình cảm hoạt động liên quan tới ...(3)... và tình cảm mang tính chất thế giới quan.

- a. Nhu cầu nhận thức
- b. Nhu cầu quan hệ xã hội
- c. Nhu cầu hoạt động
- d. Nhu cầu đạo đức
- e. Lòng yêu nước và tự hào dân tộc
- f. Sự say mê nghệ thuật

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - d; 2 - a; 3 - c

Câu 268. Đời sống tình cảm diễn ra theo các quy luật. Một xúc cảm, tình cảm được lặp lại nhiều lần, đến lúc nào đó sẽ trở lên "chai sạn". Đó là ...(1)... Hiện tượng "giận cá chém thớt" là biểu hiện của ...(2)... còn sự tổng hợp hoá, động hình hoá các cảm xúc cùng loại chính là ... (3)...

- a. Quy luật pha trộn
- b. Quy luật thích ứng
- c. Quy luật cảm ứng
- d. Quy luật "di chuyển"
- e. Quy luật hình thành tình cảm
- f. Quy luật "lây lan"

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - d; 3 - e

Câu 269. Trong hành động ý chí, thường xuất hiện các phẩm chất của ý chí. Trước hết, cá nhân phải biết đề ra cho mình những mục đích gần và xa. Đó chính là phẩm chất...(1). Tiếp đến là phẩm chất...(2), tức là phải có năng lực quyết định và thực hiện hành động. Một phẩm chất khác của ý chí là ...(3), biểu hiện ở khả năng theo đuổi đến cùng mục đích đề ra, dù khó khăn đến mấy.

- a. Tính độc lập
- b. Tính mục đích
- c. Tính quyết đoán
- d. Tính bền bỉ
- e. Tính tự chủ
- f. Tính chủ thể

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - d

Câu 270. Ý chí là mặt ...(1) của ý thức, biểu hiện ở năng lực ...(2) , đòi hỏi phải có ...(3).

- a. Nhận thức
- b. Thái độ
- c. Năng lực khắc phục khó khăn
- d. Hành động có mục đích
- e. Hành động có kết quả
- f. Năng động

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - f; 2 - d; 3 - c

Câu 271. Hãy ghép các kiểu khí chất (cột A) với các hiện tượng tâm lí tương ứng (cột B).

Cột A	Cột B
1. Hăng hái	a. Một con người hoạt bát, muốn thay đổi các ấn tượng thường xuyên, dễ dàng thích ứng với những điều kiện thay đổi của cuộc sống.
2. Nóng nảy	b. Con người nhanh nhẹn, hoạt bát trong các công việc và quan hệ.
3. Bình thản	c. Con người chậm chạp, ôn hoà, ít bộc lộ tâm trạng ra bên ngoài.
4. Ưu tư	d. Con người bông bột, sôi nổi, say mê với công việc, tâm trạng thay đổi mạnh mẽ, đột ngột.
	e. Con người nhạy cảm, cảm xúc sâu sắc, nhưng phản ứng thường yếu đuối.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - a; 2 - d; 3 - c; 4 - e

Câu 272. Hãy ghép các khái niệm (cột A) với nội dung tương ứng của các khái niệm đó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Thế giới quan	a. Sự đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần được thoả mãn để tồn tại và phát triển.
2. Niềm tin	b. Thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống, vừa có khả năng mang lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động.
3. Nhu cầu	c. Một mục tiêu cao đẹp, một hình ảnh mẫu mực, tương đối hoàn chỉnh, có sức lôi cuốn con người vươn tới nó.
4. Hứng thú	d. Hệ thống quan điểm về tự nhiên, xã hội và bản thân, xác định phương châm hành động của con người.
	e. Một phẩm chất của thế giới quan, là cái kết tinh các quan điểm, tri

thức, rung cảm, ý chí được con người thể nghiệm, trở thành chân lí vững bền.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - d; 2 - e; 3 - a; 4 - b

Câu 273. Hãy ghép các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách (cột A) với các vai trò tương ứng của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tập thể	a. Giữ vai trò chủ đạo.
2. Giáo dục	b. Tiền đề, điều kiện cho sự phát triển.
3. Giao tiếp	c. Nhu cầu xã hội cơ bản nhất, xuất hiện sớm nhất ở con người.
4. Hoạt động	d. Môi trường thuận lợi cho sự phát triển.
	e. Yếu tố quyết định trực tiếp.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - d; 2 - a; 3 - c; 4 - e

Câu 274. Hãy ghép các thái độ của cá nhân (cột A) với những biểu hiện phù hợp với nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Thái độ đối với người khác.	a. Hứng thú, say mê công việc.
2. Thái độ đối với bản thân.	b. Khiêm tốn, tự trọng và có niềm tin vững chắc.
3. Thái độ đối với lao động.	c. Nhiệt tình đối với hoạt động chung.
4. Thái độ đối với xã hội.	d. Nghiêm khắc, cẩn thận, trách nhiệm.
	e. Chân thành, tế nhị, cởi mở.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - e; 2 - b; 3 - d; 4 - c

Câu 275. Hãy ghép các đặc điểm của nhân cách (cột A) với các nội dung cụ thể của nó (cột B)

Cột A	Cột B
1. Tính thống nhất của nhân cách.	a. Nhân cách là thể thống nhất các đặc trưng tâm lí – xã hội cá nhân.
2. Tính ổn định của nhân cách.	b. Trong thực tế, từng nét nhân cách có thể thay đổi, nhưng nhìn tổng thể, chúng vẫn tạo thành cấu trúc trọn vẹn, tương đối ổn định.
3. Tính tích cực của nhân cách.	c. Nhân cách bộc lộ khả năng tự điều chỉnh và chịu sự điều chỉnh của xã hội .
4. Tính giao lưu của nhân cách.	d. Nhân cách chỉ có thể được hình thành, phát triển và bộc lộ trong giao tiếp với những nhân cách khác. Thông qua giao tiếp, con người gia nhập các quan hệ xã hội; lĩnh hội các chuẩn mực, các giá trị xã hội.
	e. Nhân cách là một cấu trúc chỉnh thể, thống nhất các thuộc tính, đặc điểm tâm lí xã hội, thống nhất giữa phẩm chất và năng lực, giữa đức và tài.

Phương án đúng: 1 - , 2 - , 3 - , 4 -

Đáp án: 1 - e; 2 - b; 3 - c; 4 - d

Câu 276. Hãy ghép các thuộc tính tâm lí của nhân cách (cột A) với các biểu hiện của nó (cột B).

Cột A	Cột B
1. Tính cách	a. Sách đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu đối với Hằng. Nhất là sách về các danh nhân, các nhà bác học.
2. Lí tưởng	b. Điều lí thú là trong khi đọc sách Hằng thường như "nhìn thấy" các hành động của nhân vật đang diễn ra trước mắt.
3. Năng lực	c. Khi đọc những tình tiết hấp dẫn trong sách, Hằng thường
4. Nhu cầu	

không tìm cảm xúc của mình, nhiều khi em hét toáng lên một mình.

d. Khi đọc bất là cuốn sách nào Hằng đều ghi chép rất cẩn thận và đưa vào trong các hồ sơ theo cách phân loại riêng của Hằng.

e. Nhiều tấm gương lao động say mê, quên mình của các nhà bác học đã cuốn hút, hấp dẫn Hằng. Em thầm mong ước được trở thành người như họ.

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -, 4 -

Đáp án: 1 - d; 2 - e; 3 - b; 4 - a

Câu 277. Nhu cầu bao giờ cũng có...(1)... Khi nào nhu cầu gặp đối tượng có khả năng đáp ứng sự thoả mãn thì lúc đó nó trở thành...(2)... thúc đẩy con người...(3)... nhằm chiếm lĩnh đối tượng.

- a. Chủ thể
- b. Đối tượng
- c. Động cơ
- d. Hoạt động.
- e. Sự đòi hỏi
- f. Năng lượng

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - d

Câu 278. Hệ thống thái độ và hệ thống hành vi là những thành phần tạo nên cấu trúc của...(1). Hai hệ thống này có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thái độ là ...(2), hành vi là....(3)...., chúng không tách rời nhau, tạo nên sự thống nhất hữu cơ.

- a. Nhân cách
- b. Tính cách

- c. Nội dung
- d. Chủ quan
- e. Hình thức
- f. Khách quan

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 - c; 3 - e

Câu 279. Khí chất là thuộc tính tâm lí phức hợp của cá nhân, biểu hiện ...(1)... và nhịp độ của các hoạt động tâm lí, thể hiện...(2)... của hành vi, ngôn ngữ của cá nhân. Khí chất có cơ sở là các kiểu thần kinh, nhưng khí chất mang bản chất ...(3)..., được biến đổi do rèn luyện và giáo dục.

- a. Nội dung
- b. Sắc thái
- c. Cường độ
- d. Tính chất
- e. Tự nhiên
- f. Xã hội

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - c; 2 - b; 3 - f

Câu 280. Quá trình hình thành nhân cách chịu sự tác động của các yếu tố: bẩm sinh – di truyền, môi trường tự nhiên và xã hội,..(1)... và ...(2)... Mỗi yếu tố có vai trò nhất định, nhưng ...(3)... có vai trò quyết định trực tiếp.

- a. Giáo dục
- b. Hoạt động
- c. Rèn luyện

d. Hoạt động và giao tiếp

e. Giao tiếp

f. Văn hoá - xã hội

Phương án đúng: 1 -, 2 -, 3 -

Đáp án: 1 - b; 2 – e; 3 - d

www.eLib.vn